



Hướng dẫn thực hành

**DỊCH VỤ Y TẾ LAO ĐỘNG CƠ BẢN
VÀ CẢI THIỆN ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG
TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ**

**Do Chương trình hợp tác đa phương ILO/Nhật Bản
và Chương trình hợp tác WHO/Nhật Bản hỗ trợ**

Tác giả:

BS.Kazutaka Kogi

BS. Tsuyoshi Kawakami

Ông Vũ Như Văn

TS. Trần Thị Ngọc Lan

Hà Nội, tháng 3 năm 2011

Mục lục

Phần 1: CẢI THIẾN ATVSLĐ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Chương 1: Giới thiệu

4

1. Nhu cầu thúc đẩy hoạt động ATVSLĐ trong các DNVVN
2. Đặc điểm của DNVVN ở Việt Nam
3. Sự tham gia chủ động của NSDLĐ và NLĐ
4. Vai trò của thanh tra ATVSLĐ và Dịch vụ Y tế lao động cơ bản
5. Các văn bản pháp quy liên quan đến thực hiện công tác ATVSLĐ và dịch vụ y tế lao động tại Việt Nam.
6. Kinh nghiệm từ các hoạt động cải thiện có sự tham gia của cộng đồng

Chương 2: Cách thức cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN

22

1. Xây dựng kế hoạch cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN
2. Hợp tác để thúc đẩy cải thiện điều kiện lao động
3. Thúc đẩy hoạt động cải thiện ATVSLĐ
4. Những khó khăn của việc cải thiện tự nguyện và cách khắc phục

Chương 3: Tiến hành can thiệp trực tiếp để cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN

32

1. Lên kế hoạch cung cấp dịch vụ để cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN
2. Lựa chọn các DNVVN mục tiêu và xây dựng sáng kiến của NSDLĐ và NLĐ
3. Hỗ trợ hoạt động cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN
 - 3.1. Thực hiện khảo sát môi trường làm việc
 - 3.2. Nhận diện các vấn đề an toàn và sức khỏe nghề nghiệp
 - 3.3. Hỗ trợ hoạt động cải thiện tại nơi làm việc
 - 3.4. Cung cấp thông tin và tập huấn về hành động ATVSLĐ
4. Xem xét lại các cải thiện ATVSLĐ
5. Theo dõi và duy trì dịch vụ hỗ trợ và tập huấn

Chương 4: Duy trì và mở rộng hoạt động cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN

51

1. Thực hiện cải thiện từng bước
2. Duy trì hoạt động cải thiện với sự tham gia của NSDLĐ và NLĐ
3. Tăng cường hợp tác

Chương 5: Một số gợi ý nhằm hỗ trợ hoạt động cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN

58

Phần 2: TÀI LIỆU HỖ TRỢ

Phụ lục 1: Bảng khảo sát môi trường lao động

Phụ lục 2: Bảng khảo sát các vấn đề an toàn và sức khỏe

Phụ lục 3: Bảng kiểm định hành động tại nơi làm việc

Phụ lục 4: Kiểm tra đánh giá các nguy cơ

Phụ lục 5: Một số ví dụ cải thiện diễn hình

Phần 1:

Các bước để CẢI THIỆN ĐIỀU KIỆN LAO ĐỘNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

Chương 1

Giới thiệu

Chương này chỉ ra nhu cầu và lợi ích của việc thúc đẩy an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) đồng thời nhấn mạnh nhu cầu cấp bách về hỗ trợ và tư vấn cho các DNVVN về cải thiện điều kiện lao động. Nhiều biện pháp thiết thực có thể thực hiện được với sự tham gia chủ động của người sử dụng lao động và người lao động mặc dù họ vẫn còn nhiều hạn chế về chuyên môn cũng như tài chính. Hỗ trợ thực hiện các biện pháp thực tế có thể thông qua Thanh tra ATVSLĐ và Dịch vụ Y tế lao động cơ bản. Trên cơ sở những kinh nghiệm gần đây ở Việt Nam, chúng tôi đề xuất các biện pháp thực tế để thúc đẩy sự hợp tác giữa các cơ quan và tổ chức có liên quan nhằm hỗ trợ các DNVVN đánh giá và cải thiện điều kiện lao động hiện nay.

1. Nhu cầu tăng cường hoạt động ATVSLĐ trong các DNVVN

DNVVN đang đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam. Số DNVVN đăng ký đã tăng nhanh trong những năm gần đây phản ánh chính sách của nhà nước về xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế xã hội. Nhiều người lao động tìm việc làm trong các DNVVN để nuôi sống gia đình. Vì thế, cải thiện ATVSLĐ trong các doanh nghiệp này là yêu cầu cấp thiết để tăng cường hơn nữa vai trò tích cực của DNVVN đồng thời thực hiện việc làm bền vững và an toàn cho mọi người lao động.

Trong Chương trình quốc gia về ATVSLĐ lần thứ 2 của Việt Nam giai đoạn 2011-2015, vấn đề ATVSLĐ trong các DNVVN là một trong những lĩnh vực ưu tiên hành động của quốc gia. Cả Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế sẽ cùng thực hiện các biện pháp hỗ trợ ATVSLĐ trong DNVVN. Tăng cường các hoạt động ATVSLĐ mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho DNVVN. Cần phải lưu ý rằng có thể thực hiện nhiều cải thiện trong các doanh nghiệp này với mức chi phí thấp thông qua việc sử dụng nguồn lực và vật liệu địa phương sẵn có. Cuốn sổ hướng dẫn này sẽ cho thấy những biện pháp khả thi trong điều kiện hiện tại nhằm hỗ trợ thúc đẩy cải thiện thực tế của các DNVVN. Tiến hành cải thiện ATVSLĐ mang lại những cơ hội hợp tác tốt giữa người sử

dụng lao động và người lao động làm cơ sở xây dựng nơi làm việc có năng suất cao.

1.1. Nhu cầu hợp tác

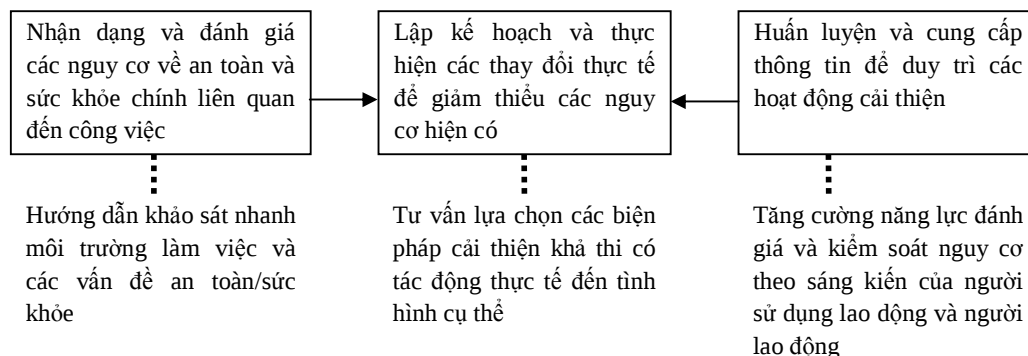
Các DNVVN ở Việt Nam rất năng động trong nhiều ngành nghề. Họ mở rộng hoạt động kinh doanh bằng việc đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng tăng. Mặt khác, họ cũng thiếu kinh phí và năng lực chuyên môn để cải thiện an toàn và sức khỏe của người lao động. Thực tế này được chỉ ra trong các báo cáo khảo sát của Bộ LĐTBXH và Bộ y tế cũng như các báo cáo mới đây của các dự án khác. Nhiều DNVVN gặp khó khăn trong việc giải quyết những nguy cơ về an toàn và sức khỏe đối với người lao động. Trong các DNVVN, người lao động phải đối phó với nhiều nguy cơ như chấn thương, môi trường nóng, ồn, bụi, hóa chất độc hại, bụi hàn... Làm việc quá giờ, làm việc nhóm không hiệu quả và sức ép công việc cũng ảnh hưởng tới người lao động. Vì vậy, họ cần hỗ trợ cụ thể để đánh giá các nguy cơ an toàn và sức khỏe cũng như thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu những nguy cơ này.

Những kinh nghiệm gần đây ở Việt Nam cho thấy có thể hỗ trợ các DNVVN thông qua hợp tác giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức khác dưới hình thức hướng dẫn chuyên môn và dịch vụ trực tiếp. Hỗ trợ chỉ hiệu quả khi cung cấp dịch vụ định hướng hành động cụ thể về khảo sát nhanh môi trường lao động và tình hình an toàn và sức khỏe của người lao động cũng như lập kế hoạch và thực hiện các biện pháp cải thiện thực tế tại nơi làm việc. Các dịch vụ này sẽ thực hiện dưới dạng Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp để thúc đẩy hoạt động ATVSLĐ trong các DNVVN tập trung vào những cải thiện có tính khả thi ở địa phương.

Dịch vụ được cung cấp thông qua sự hợp tác giữa thanh tra ATVSLĐ và nhân viên của các trung tâm y tế tỉnh/huyện, bởi vì họ có thể hướng dẫn cụ thể cho nhiều DNVVN thực hiện các biện pháp phòng ngừa hiệu quả. Các tổ chức khác ở địa phương hỗ trợ kỹ thuật để cải thiện môi trường lao động, cơ sở y tế, cơ sở đào tạo và các tổ chức khác tham gia hướng dẫn doanh nghiệp cũng có thể tham gia. Các đơn vị và tổ chức liên quan trong từng điều kiện địa phương, đặc biệt là cơ quan thanh tra ATVSLĐ và dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, có thể hợp tác tích cực để hỗ trợ theo kiểu này trên cơ sở chuyên môn và kinh nghiệm của họ.

Như Hình 1 cho thấy, 3 khía cạnh của Dịch vụ hỗ trợ này rất quan trọng. Những khía cạnh này có thể được chia sẻ thông qua sự phối hợp của các cơ quan và tổ chức tham gia. Ở cấp tỉnh và cấp huyện ở Việt Nam, các dịch vụ hỗ trợ này có thể cùng được tổ chức bằng những nỗ lực chung của ngành lao động và y tế

như kinh nghiệm của nhiều nước. Ở Việt Nam, thanh tra ATVSLDD và quan chức y tế tham gia vào Dịch vụ Y tế lao động Cơ bản ở cấp tỉnh và huyện cùng với các tổ chức hoạt động và chuyên môn khác ở địa phương có thể hợp tác để cung cấp dịch vụ yêu cầu.



Hình 1. 3 khía cạnh Dịch vụ hỗ trợ thúc đẩy ATVSLĐ cho DNVVN

1.2. Chú trọng phòng ngừa ban đầu

Trong 3 khía cạnh này, Dịch vụ cần tập trung giảm thiểu nguy cơ về an toàn và sức khỏe mà người lao động phải đối mặt (phòng ngừa ban đầu). Khi cần thiết, các dịch vụ cung cấp có thể hỗ trợ DNVVN khám và điều trị cho những người lao động bị chấn thương hoặc bệnh nghề nghiệp (phòng ngừa thứ cấp), và hỗ trợ họ trở lại làm việc (phòng ngừa cấp 3). Vai trò chính của những người cung cấp Dịch vụ ATVSLĐ cơ bản là hỗ trợ phòng ngừa ban đầu đối với những nguy cơ đã xác định.

Hỗ trợ phòng ngừa ban đầu được thực hiện thông qua “hướng dẫn” cách đánh giá và kiểm soát nguy cơ hiện tại, tức là giúp DNVVN thực hiện các công việc sau:

- **Đánh giá nguy cơ an toàn và sức khỏe:** Hướng dẫn khảo sát môi trường lao động và các vấn đề an toàn và sức khỏe để biết hành động nào cần thiết;
- **Áp dụng các biện pháp phòng ngừa:** Hướng dẫn lựa chọn và thực hiện những cải thiện phù hợp, có tính khả thi nhằm giảm thiểu nguy cơ hiện tại;
- **Huấn luyện và cung cấp thông tin:** nhấn mạnh các bước đơn giản do người sử dụng lao động và người lao động thực hiện để đánh giá và kiểm soát nguy cơ.

Vì vậy, khi cung cấp Dịch vụ hỗ trợ ATVSLĐ trong DNVVN cần theo kiểu dịch vụ định hướng hành động. Cần tập trung vào khảo sát nhanh các nguy

cơ hiện có và cách lập kế hoạch và thực hiện các biện pháp thiết thực. Ở Việt Nam, có nhiều kinh nghiệm đáng kể trong vấn đề này thông qua thanh tra lao động và dịch vụ y tế lao động cơ bản. Cả thanh tra ATVSLĐ và các nhân viên trung tâm y tế dự phòng đều có thể chia sẻ kinh nghiệm của họ về các khía cạnh này. Thanh tra ATVSLĐ có nhiều kinh nghiệm về đánh giá điều kiện lao động và kiểm soát nguy cơ tai nạn, trong khi cán bộ y tế dự phòng có chuyên môn trong việc nhận diện và giảm thiểu các nguy cơ sức khỏe nghề nghiệp. Cần chia sẻ và nâng cấp dịch vụ hỗ trợ một cách có hiệu quả ở các địa phương, hướng tới đẩy mạnh cải thiện để giảm thiểu nguy cơ trong các DNVVN.

Việc áp dụng phương pháp WISE (Cải thiện điều kiện làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ) cũng hữu ích vì thực tế đã chứng tỏ tính hiệu quả trong các DNVVN ở Việt Nam. Tập huấn định hướng hành động có sự tham gia theo phương pháp WISE đã giúp nhiều người sử dụng lao động và người lao động trong các DNVVN hiểu về cách kiểm soát những nguy cơ hiện có tại nơi làm việc, lập kế hoạch và thực hiện những cải thiện chi phí thấp phù hợp với phòng ngừa ban đầu. Các ví dụ bao gồm cải thiện cách vận chuyển nguyên vật liệu, an toàn máy, tổ chức công việc và môi trường lao động. Kinh nghiệm hoạt động cải thiện thực tế thông qua tập huấn WISE rất hữu ích cho việc hỗ trợ DNVVN trong cả 3 khía cạnh của Dịch vụ hỗ trợ yêu cầu.

Cuốn hướng dẫn hành động này đưa ra những chỉ dẫn cụ thể cho thanh tra ATVSLĐ, cán bộ dịch vụ y tế lao động cơ bản và các tổ chức liên quan về cách hỗ trợ DNVVN phòng ngừa ban đầu các nguy cơ tại nơi làm việc theo sáng kiến của người sử dụng lao động và người lao động.

2. Đặc điểm của DNVVN ở Việt Nam

DNVVN ở Việt Nam hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, số doanh nghiệp trong năm 2008 là 206.000, trong đó DNVVN chiếm 97%. Về lĩnh vực hoạt động, hầu hết các doanh nghiệp tham gia vào bán buôn bán lẻ, sau đó là sửa chữa phương tiện cơ giới (39%), công nghiệp (20%) và xây dựng (14%). Trong tổng số trên 47 triệu người lao động của năm 2009, 48% làm việc trong ngành nông - lâm - ngư nghiệp, 15% trong ngành công nghiệp và 6% trong ngành xây dựng.

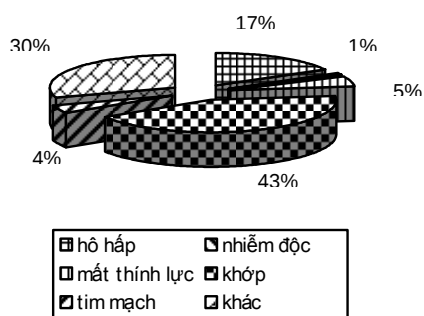
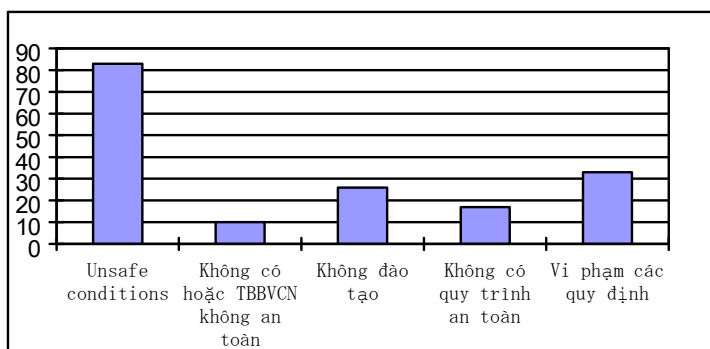
Người lao động Việt Nam tiếp xúc với nhiều yếu tố có nguy cơ về an toàn và sức khỏe tại nơi làm việc. Số vụ chấn thương và bệnh nghề nghiệp đang có xu hướng tăng lên trong những năm gần đây. Theo báo cáo từ các tỉnh cho thấy, tính trung bình số vụ chấn thương nghề nghiệp gây chết người đang tăng

lên hằng năm. Về bệnh nghề nghiệp, có thêm những bệnh nghề nghiệp mới phát sinh ngoài những bệnh nghề nghiệp truyền thống như bụi phổi và mất thính lực do tiếng ồn, đó là các bệnh về da, nhiễm độc hóa chất và bệnh truyền nhiễm. Nhiều chấn thương và bệnh nghề nghiệp xảy ra thường xuyên trong các DNVVN.

Cuốn “Kết quả khảo sát ATVSLĐ trong các DNVVN” do Nhà xuất bản Lao động Xã hội ban hành cho thấy các DNVVN hoạt động trong nhiều lĩnh vực như khai khoáng, chế biến thực phẩm, sản xuất đồ giải khát, may mặc, sản xuất giấy, hóa chất và phân bón, cao su và nhựa, sản xuất các sản phẩm kim loại, máy móc thiết bị, phương tiện giao thông, nội thất, cũng tương tự như xây dựng, kinh doanh, sửa chữa và bảo hành, khách sạn, giao thông và kho bãi. Các loại nguy cơ về an toàn và sức khỏe chủ yếu liên quan đến vận hành máy móc, mang vác nặng, ngã cao, nóng, ồn, bụi, hơi khí độc và rác thải có hại, điện trường và các chất sinh học cũng như làm việc ngoài giờ và tổ chức công việc không tốt. Hầu hết nơi làm việc trong DNVVN đang phải đối phó với rất nhiều nguy cơ bao gồm: chấn thương, ô nhiễm môi trường làm việc. Điều kiện làm việc nói chung còn rất kém.

2.1. Các nguy cơ về an toàn và sức khỏe phổ biến trong các DNVVN

Kết quả khảo sát năm 2004 chỉ ra rằng máy móc sử dụng trong các DNVVN có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ như thiết bị áp lực, nồi hơi và cần cẩu, chiếm tỷ lệ tương đối cao 59%, tuy vậy, chỉ có 38% trong số đó đã đăng ký và 36% được kiểm định. Người lao động trong các DNVVN thường xuyên tiếp xúc với những công việc nguy hiểm như bị đè và cuốn (29%), rung (18%) và mang vác nặng (17%). Kết quả khảo sát tương tự chỉ ra rằng 78% DNVVN có điều kiện lao động kém kèm theo ít nhất một yếu tố về môi trường lao động: nóng (95%), ồn (56%), bụi (41%), ánh sáng kém (13%), khí độc (10%). Các yếu tố chính gây ra tai nạn lao động gồm có điện giật (34%), cháy nổ (29%), vật thể rơi (8%) và ngã cao (7%).



Hình 2. Các nguyên nhân tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp liên quan tới công việc trong giai đoạn 2001-2003 ở các DNVVN được khảo sát

Nguyên nhân tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp liên quan tới công việc trong các DNVVN trong các báo cáo giai đoạn 2001- 2003 được chỉ ra trong Hình 2. Các nguyên nhân chính là điều kiện lao động và thiết bị không an toàn (83%), sử dụng sai trang bị bảo vệ cá nhân (TBBVCN) (10%), không được huấn luyện hoặc huấn luyện không đầy đủ (26%), không có quy trình an toàn (17%) và vi phạm quy định (33%). Bệnh nghề nghiệp được báo cáo trong các DNVVN bao gồm bệnh hô hấp mãn tính (17% doanh nghiệp khảo sát), nhiễm độc hóa chất (1%), mất thính lực do tiếng ồn (5%), bệnh cơ xương (43%), bệnh tim mạch (4%) và các bệnh khác. DNVVN được khảo sát có thời gian làm thêm trung bình đối với 1 công nhân là 2 giờ 55 phút một ngày.

Sự cố tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp trong DNVVN thường xảy ra liên quan đến cả điều kiện lao động kém và những khó khăn trong việc quản lý những nguy cơ ảnh hưởng tới an toàn và sức khỏe của người lao động. Cuộc khảo sát đề cập trên đây cho thấy trình độ và kỹ năng quản lý của chủ doanh nghiệp vẫn còn thấp. Điều này gây ra những khó khăn trong việc áp dụng công nghệ tiên tiến và tiến hành các hoạt động an toàn vệ sinh lao động. Cần phải bàn đến thực tế là đa số người lao động trong các DNVVN được khảo sát không

được đào tạo nghề chính thống. Trong khi công nghệ sử dụng trong các DNVVN cần phải được nâng cấp liên tục, hầu hết các doanh nghiệp vẫn tận dụng máy móc thiết bị lỗi thời. Vốn đầu tư của DNVVN còn thấp, trình độ chuyên môn của cả cấp quản lý và người lao động còn thấp có thể giải thích vì sao mà việc thực hiện ATVSLĐ còn kém.

Kết quả khảo sát trên đây cho thấy 26% số DNVVN có Ban Bảo hộ lao động. Có khoảng 66% doanh nghiệp được khảo sát đã cử 1 cán bộ bán chuyên trách về ATVSLĐ, (năm 2000 tỷ lệ này là 55%). Khoảng 2/3 trong số các cán bộ này được đào tạo về chuyên môn. Về chăm sóc sức khỏe người lao động, có 23% DNVVN được khảo sát có phòng hoặc cán bộ y tế, và 46% cán bộ y tế có thể thực hiện sơ cứu. Báo cáo cũng cho thấy các hoạt động y tế chủ yếu là sơ cứu và nói chung vẫn chưa tập trung vào các biện pháp phòng ngừa.

2.2. Các thế mạnh của DNVVN

Mặt khác, các DNVVN ở Việt Nam có nhiều thế mạnh riêng. Cả người SDLĐ và người lao động đều chăm chỉ và mong muốn học hỏi những phương thức mới. DNVVN bắt rễ sâu trong cộng đồng địa phương và có mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng và các cơ quan liên quan ở địa phương. Họ cũng có hệ thống hỗ trợ tốt từ chính quyền, trong đó có các Sở LĐTBXH tỉnh, sở Y tế và Sở công nghiệp. Mặc dù số lượng còn hạn chế nhưng nhiều DNVVN đã có công đoàn để bảo vệ những quyền lợi cơ bản của người lao động và cải thiện điều kiện lao động cho họ. Người lao động và cán bộ quản lý có quan hệ cá nhân tích cực và cùng nhau vì sự thành công của doanh nghiệp mình.

Thêm một điểm đáng khen nữa là theo khảo sát trên đây, tỷ lệ người lao động trong các DNVVN được đào tạo về ATVSLĐ mỗi năm đã tăng từ 25 năm 2001 lên 43% năm 2003.

Kết quả áp dụng phương pháp WISE ở một số tỉnh đã chỉ ra rằng có thể thực hiện những cải thiện thực tế ở nơi làm việc trong nhiều DNVVN. Sáng kiến thực hiện các biện pháp phòng ngừa với chi phí thấp và đơn giản có thể được thực hiện bằng sự tham gia chủ động của người sử dụng lao động và người lao động sau khi tham dự tập huấn theo phương pháp WISE. Những cải thiện đạt được trong doanh nghiệp gồm có sắp xếp và vận chuyển vật liệu, an toàn máy, môi trường làm việc, ánh sáng và thông gió, cách ly các nguồn gây ra ồn, bụi, hoá chất, và sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân (TBBVCN), cải thiện phúc lợi. Báo cáo cho thấy người sử dụng lao động và người lao động trong các DNVVN có thể được đào tạo thông qua các lớp tập huấn ngắn hạn nhằm khảo sát nhanh điều kiện làm việc và lập kế hoạch cũng như thực hiện các cải thiện thực tế. Kết quả

này cũng gợi ý rằng những cải thiện thực tế được thực hiện theo kế hoạch của các DNVVN có thể đóng góp đáng kể cho việc giảm thiểu nguy cơ liên quan đến công việc.

2.3. Hiểu biết về đặc điểm của các DNVVN

Chúng ta cần biết cách để giải quyết những thách thức trong việc cải thiện điều kiện lao động của DNVVN thông qua việc cung cấp Dịch vụ ATVSLĐ cơ bản phù hợp. Cách tốt nhất là giúp các DNVVN này tự nguyện cải thiện để giảm thiểu nguy cơ về an toàn và sức khỏe hiện có. Để làm được điều đó, Dịch vụ ATVSLĐ cơ bản cần hỗ trợ trực tiếp cho việc khảo sát điều kiện lao động, xây dựng kế hoạch và thực hiện các biện pháp khả thi, nhằm giúp họ giảm thiểu những nguy cơ về an toàn và sức khỏe một cách hiệu quả.

Vì vậy, cần hiểu đặc điểm của DNVVN trong bối cảnh địa phương về mặt năng suất, tính cạnh tranh và các vấn đề liên quan đến trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Điều này nên bao gồm những tiến bộ gần đây trong hoạt động ATVSLĐ tại các DNVVN. Cần chú ý tới cả những nguy cơ ATVSLĐ đã có và những vấn đề mới đang nảy sinh cũng như các biện pháp phòng ngừa khả thi ở địa phương. Các vấn đề chủ yếu ở DNVVN có thể là các nguy cơ phổ biến như mang vác nặng, nóng, ồn, bụi hoặc các nguy cơ vật lý khác và việc sử dụng máy móc không an toàn. Ví dụ về các vấn đề ATVSLĐ mới đang nảy sinh bao gồm hóa chất mới, áp lực công việc do phương thức sản xuất mới phức tạp hay giờ làm việc bất thường. Nhờ hiểu biết những vấn đề này trong bối cảnh của từng địa phương, việc hướng dẫn và hỗ trợ sẽ phù hợp hơn thông qua việc nhấn mạnh đến những cải thiện hiệu quả có thể đạt được ở những địa phương đó.

Quan điểm của các hiệp hội ngành nghề và lãnh đạo công đoàn về xu hướng gần đây trong hoạt động kinh tế và tác động tới ATVSLĐ của người lao động khá quan trọng. Những quan điểm này phản ánh đặc trưng của DNVVN ở địa phương hoặc khu vực mà Dịch vụ ATVSLĐ cơ bản cung cấp.

3. Sự tham gia chủ động của người sử dụng lao động và người lao động

Người sử dụng lao động và người lao động trong DNVVN là những nhân tố chính thúc đẩy hoạt động ATVSLĐ tại nơi làm việc và tạo dựng môi trường làm việc năng suất, hiệu quả. Họ có kinh nghiệm trong việc nhận diện các mối nguy cơ chính và thường biết các giải pháp thiết thực giảm thiểu những nguy cơ này. Tư vấn và hướng dẫn kỹ thuật nhằm giúp họ đưa ra những sáng kiến về đảm bảo ATVSLĐ và các biện pháp phòng ngừa hiệu quả. Cần phải đảm

bảo sự tham gia chủ động của người sử dụng lao động và người lao động vì họ đóng vai trò cơ bản trong việc cải thiện điều kiện ATVSLĐ.

3.1. Tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia chủ động

Những nhà cung cấp Dịch vụ và các chuyên gia ATVSLĐ cần đóng vai trò tạo điều kiện thuận lợi, chứ không phải là nhà lãnh đạo cũng không phải là người thực hiện ATVSLĐ. Dịch vụ hỗ trợ cần giúp NSDLĐ và người lao động trong DNVVN đưa ra sáng kiến tự nguyện để thực hiện hành động ATVSLĐ. Hành động tiếp theo của dịch vụ hỗ trợ này là hỗ trợ trực tiếp để nhận diện các nguy cơ an toàn và sức khỏe tại nơi làm việc, giúp họ tham gia tích cực hơn vào việc lập kế hoạch và thực hiện cải thiện điều kiện lao động. Dịch vụ hỗ trợ có nhiệm vụ hỗ trợ toàn bộ quá trình nhận diện và đánh giá các nguy cơ hiện có tại nơi làm việc, đồng thời lập kế hoạch và tập trung chủ yếu vào các giải pháp để áp dụng để phòng ngừa các nguy cơ đã được nhận diện.

Dịch vụ tư vấn và hoạt động tập huấn do thanh tra ATVSLĐ và cán bộ các trung tâm y tế dự phòng tỉnh/huyện tiến hành, cần khẳng định lợi thế của việc sử dụng các công cụ định hướng hành động như bảng khảo sát nơi làm việc, bảng kiểm định hành động và sổ tay cải thiện. Các công cụ này có thể giúp mọi người tại nơi làm việc tập trung vào các nhu cầu ATVSLĐ cấp thiết và các cải thiện khả thi có thể đáp ứng các nhu cầu này.

3.2. Chú ý đến các ví dụ điển hình tốt tại địa phương

Để đảm bảo sự tham gia chủ động của người sử dụng lao động và người lao động, cần chú trọng sử dụng các ví dụ điển hình tốt sẵn có ở địa phương làm phương tiện thuyết phục họ về lợi ích của việc cải thiện tức thì. Cần thu thập và giới thiệu các điển hình tốt của địa phương để lồng ghép, hướng dẫn và tập huấn.

Các điển hình tốt ở địa phương có thể thu hút sự chú ý của người sử dụng lao động và người lao động theo 2 hướng. Hướng thứ nhất là để hiểu lợi ích của những cải thiện nhằm giải quyết các vấn đề an toàn và sức khỏe cụ thể trong điều kiện thực tế của địa phương. Những điển hình tốt thường chỉ ra cách giải quyết những vấn đề đó bằng việc sử dụng các kỹ năng và vật liệu sẵn có ở địa phương. Vì vậy, các điển hình tốt có thể đưa ra hướng dẫn cụ thể cho những cải thiện cần thiết. Hướng thứ hai là tìm hiểu về lợi ích của sự tham gia chủ động vào việc xây dựng kế hoạch cải thiện cần thiết. Các điển hình tốt đạt được nhờ sự hợp tác của người lao động và người sử dụng lao động đã chứng minh

rằng họ có khả năng khảo sát điều kiện thực tế và xây dựng kế hoạch cải thiện tương tự bằng việc sử dụng những kinh nghiệm riêng của họ.

Khi cung cấp Dịch vụ cần lưu ý rằng người sử dụng lao động và người lao động không chỉ tiếp xúc hàng ngày với các yếu tố nguy hại đến an toàn và sức khỏe mà họ còn tiếp thu được những kiến thức và kinh nghiệm để giải quyết các vấn đề đó. Những kinh nghiệm tốt về sự hợp tác giữa người sử dụng lao động và người lao động trong việc cải thiện điều kiện làm việc có thể được sử dụng để thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng.

4. Vai trò của thanh tra ATVSLĐ và các Dịch vụ Y tế lao động cơ bản

Thúc đẩy ATVSLĐ trong DNVVN tập trung vào phòng ngừa ban đầu đối với những nguy cơ liên quan đến công việc đòi hỏi hợp tác chặt chẽ giữa thanh tra ATVSLĐ và các nhân viên trung tâm y tế ở cấp tỉnh và huyện. Thanh tra ATVSLĐ rất hiểu thực tế ATVSLĐ và điều kiện lao động của các DNVVN địa phương và thường xuyên tới thăm các doanh nghiệp này. Trên thực tế, thanh tra ATVSLĐ ở nhiều tỉnh đã đóng vai trò tư vấn và đào tạo tích cực giúp cải thiện ATVSLĐ bên cạnh việc đảm bảo tuân thủ luật pháp và quy định. Nhân viên các trung tâm y tế dự phòng có nhiều kinh nghiệm cung cấp dịch vụ Y tế lao động cơ bản cho DNVVN. Những kinh nghiệm này là những tài sản quý giá để thiết lập và duy trì Dịch vụ ATVSLĐ cơ bản cho DNVVN thông qua việc chia sẻ vai trò chuyên gia của họ.

4.1. Chuỗi dịch vụ hỗ trợ cơ bản để phòng ngừa ban đầu

Chuỗi Dịch vụ ATVSLĐ cơ bản định hướng hành động để thúc đẩy phòng ngừa ban đầu trong các DNVVN được chỉ ra trong Hình 3. Các dịch vụ hỗ trợ này được tổ chức ở cấp tỉnh và huyện, nhằm hỗ trợ khảo sát điều kiện lao động và các vấn đề an toàn và sức khỏe cũng như những cải thiện thực tế để giảm thiểu nguy cơ hiện có. Điều quan trọng là sự phối hợp giữa thanh tra ATVSLĐ, nhân viên trung tâm y tế dự phòng, các chuyên gia ATVSLĐ và các tổ chức khác hoạt động ở tỉnh và huyện. Vai trò chủ yếu của họ là hỗ trợ quá trình cải thiện điều kiện làm việc do người sử dụng lao động và người lao động thực hiện với tư cách là người thực hiện chính.

Người lao động và người sử dụng lao động đưa ra sáng kiến để phòng ngừa những nguy cơ hiện có

..... Thu thập và giới thiệu các điển hình địa phương

Giúp nhận diện và đánh giá các nguy cơ về ATVSLĐ chủ yếu

Giúp lập kế hoạch và thực hiện các biện pháp



Hướng dẫn bằng các công
cụ định hướng hành động



Tập huấn/thông tin về hành
động ATVSLĐ thực tế



Dịch vụ hỗ trợ có hệ
thống cho DNVVN

Theo dõi với dịch vụ nhóm

Hình 3. Chuỗi cung cấp Dịch vụ ATVSLĐ cơ bản để phòng ngừa ban đầu tại các DNVVN

Đặc biệt, thanh tra ATVSLĐ và nhân viên y tế đều có thể chia sẻ vai trò của mình trong việc hướng dẫn DNVVN ở tất cả các bước. Việc này sẽ được tăng cường bằng cách phối hợp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật của thanh tra ATVSLĐ và nhân viên y tế để đánh giá và kiểm soát nguy cơ an toàn và sức khỏe. Vì vậy, điều quan trọng là xác định quy trình hướng dẫn và hỗ trợ của thanh tra viên ATVSLĐ và nhân viên y tế liên quan về dịch vụ hỗ trợ cho các DNVVN mục tiêu. Trong cuốn hướng dẫn thực hành này, quy trình hướng dẫn và hỗ trợ để thúc đẩy hoạt động phòng ngừa ban đầu trong DNVVN sẽ được đánh dấu.

Quy trình đó gồm những nội dung sau:

- Đưa ra sáng kiến phòng ngừa ban đầu: Giới thiệu những điển hình tốt đạt được ở địa phương (giảm thiểu nguy cơ);
- Đánh giá nguy cơ chính: Giúp khảo sát môi trường lao động và các vấn đề an toàn sức khỏe chính với các mẫu khảo sát đơn giản;
- Lập kế hoạch và thực hiện các biện pháp phòng ngừa: Giúp lựa chọn cải thiện thực tế để giảm thiểu các nguy cơ hiện có;
- Cung cấp thông tin và đào tạo cho DNVVN: Tạo điều kiện thuận lợi để mọi người tại nơi làm việc sử dụng trực tiếp các công cụ định hướng hành động nhằm đánh giá kiểm soát nguy cơ;
- Tổng kết và theo dõi những cải thiện đạt được: Để mọi người tại nơi làm việc cùng tham gia hành động lâu dài và có hệ thống.

4.2. Chia sẻ dịch vụ hỗ trợ giữa thanh tra ATVSLĐ và các nhân viên y tế

Trong mỗi giai đoạn của quá trình này, cả thanh tra ATVSLĐ và nhân viên y tế đều có thể phối hợp trợ giúp DNVVN thực hiện các quy trình cần thiết. Trên thực tế, thanh tra ATVSLĐ và nhân viên y tế có trình độ khác nhau, nên chuyên môn và kinh nghiệm cũng có thể khác nhau. Tuy nhiên, khi kết hợp, họ có thể chủ động tham gia vào việc hỗ trợ và tư vấn ở tất cả các bước.

Những diễn tiến gần đây trong hoạt động thanh tra ATVSLĐ và dịch vụ y tế lao động cơ bản ở Việt nam chứng minh nhu cầu phải tăng cường hợp tác nhằm cung cấp dịch vụ hỗ trợ yêu cầu. Các hoạt động ATVSLĐ ở Việt nam được quản lý trong quan hệ đối tác 3 bên với chính phủ, tổ chức của NSDLĐ và công đoàn. Mục đích chính là giảm hỗ trợ và chấn thương nghiêm trọng, giảm bệnh nghề nghiệp, tăng trình độ đào tạo ATVSLĐ và cải thiện dịch vụ điều trị cho người lao động bị chấn thương và bệnh nghề nghiệp. Các mục tiêu này đạt được thông qua sự tham gia tích cực vào các hoạt động của ASEAN-OSHNET và thực hiện các dự án quốc gia khác. Trong đó, hợp tác giữa thanh tra viên ATVSLĐ và nhân viên trung tâm y tế dự phòng ở cấp tỉnh và huyện, bao gồm hợp tác phòng ngừa chấn thương và bệnh nghề nghiệp và hợp tác thực hiện các hoạt động dịch vụ y tế lao động cơ bản, đào tạo định hướng hành động trong các DNVVN là rất quan trọng như đề cập trong các chương trình quốc gia về ATVSLĐ.

Để thúc đẩy hoạt động ATVSLĐ trong DNVVN ở Việt Nam, thanh tra ATVSLĐ cần nhấn mạnh những điểm sau:

- Thanh tra điều kiện làm việc;
- Hướng dẫn và tư vấn về phòng ngừa chấn thương và bệnh nghề nghiệp;
- Nâng cao trình độ đào tạo ATVSLĐ cho người lao động;
- Cải thiện việc báo cáo tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp;
- Tăng cường hệ thống bồi thường tai nạn;
- Mở rộng mức độ ảnh hưởng của ATVSLĐ trong nông nghiệp và các khu vực ít được quan tâm.

Những diễn tiến trong dịch vụ y tế lao động cơ bản ở Việt nam đặc biệt đáng kể. Trong Sở y tế ở các tỉnh, phòng y tế lao động ở các trung tâm y tế dự phòng cấp tỉnh tích cực thúc đẩy hoạt động dịch vụ y tế lao động cơ bản phối hợp với thanh tra viên ATVSLĐ, Trung tâm y tế huyện, trạm y tế xã và các cơ quan liên quan. Hoạt động dịch vụ y tế lao động cơ bản ở Việt Nam thông qua hệ thống dịch vụ bao gồm:

- Giám sát môi trường lao động và đánh giá các nguy cơ liên quan đến lao động;

- Theo dõi và kiểm tra sức khỏe của người lao động;
- Tư vấn các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát;
- Giáo dục sức khỏe và tăng cường năng lực làm việc;
- Sơ cứu và điều trị các bệnh cấp tính;
- Chẩn đoán bệnh nghề nghiệp.

Chia sẻ dịch vụ giữa thanh tra ATVSLĐ và nhân viên y tế có những lợi thế rõ ràng. Ví dụ, thanh tra ATVSLĐ, sử dụng chuyên môn kỹ thuật trong vấn đề an toàn và điều kiện lao động, có thể hỗ trợ DNVVN khảo sát điều kiện lao động và đánh giá các nguy cơ về an toàn cũng như lập kế hoạch áp dụng các biện pháp thực tế để giảm thiểu nguy cơ mất an toàn. Tương tự, nhân viên y tế ở các trung tâm y tế dự phòng cấp tỉnh/huyện tận dụng chuyên môn trong cung cấp dịch vụ y tế, có thể hỗ trợ DNVVN khảo sát môi trường lao động và đánh giá nguy cơ sức khỏe cũng như lập kế hoạch áp dụng các biện pháp thực tế nhằm giảm thiểu nguy cơ liên quan đến sức khỏe nói riêng. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là thanh tra ATVSLĐ chỉ hỗ trợ về giảm thiểu nguy cơ an toàn, cũng như nhân viên y tế chỉ hỗ trợ về giảm thiểu nguy cơ sức khỏe. Cả thanh tra ATVSLĐ và nhân viên y tế đều có thể hỗ trợ cho quy trình tổng thể.

Có thể chia sẻ hỗ trợ bằng cách lập kế hoạch cẩn thận và nỗ lực hợp tác của các cơ quan và tổ chức đối tác. Hướng dẫn cho DNVVN theo chuyên môn kỹ thuật khác nhau của họ cần được điều phối tốt bằng một kế hoạch cẩn thận. Cần chú ý tập trung vào các quy trình thực tế nhằm phòng ngừa ban đầu. Khi có những kinh nghiệm tốt từ cả hai hoặc ít nhất một bên đối tác thực hiện dịch vụ hỗ trợ, sẽ là cơ sở để nhân rộng Dịch vụ hỗ trợ tới các DNVVN khác trong cùng tỉnh và huyện. Cần lưu giữ hồ sơ về vai trò của thanh tra ATVSLĐ và nhân viên y tế và sử dụng kinh nghiệm thành công để mở rộng hơn nữa dịch vụ theo yêu cầu.

5. Các văn bản pháp quy hướng dẫn thực hiện công tác ATLĐ-VSLĐ và cung cấp dịch vụ y tế lao động cơ bản

Khi lập kế hoạch và thực hiện dịch vụ hỗ trợ phối hợp để cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN, cần xem xét những đòi hỏi trong ngành liên quan. Các tài liệu pháp lý liên quan đến việc thực hiện ATVSLĐ và Dịch vụ y tế lao động cơ bản trong nước được giới thiệu sau đây.

5.1. Văn bản pháp luật liên quan đến việc thực hiện công tác ATVSLĐ

a. Bộ Luật lao động được ban hành ngày 5/7/1994 và có hiệu lực từ 1/1/1995, Chương IX qui định về ATLĐ, VSLĐ. Năm 2002, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Lao động: trong văn bản này đã qui định rõ người lao động có quyền được hưởng các dịch vụ y tế lao động cơ bản và có nghĩa vụ chấp hành các qui định liên quan đến cung cấp dịch vụ y tế lao động cơ bản và người sử dụng lao động có nghĩa vụ và quyền hạn cung cấp dịch vụ y tế lao động cơ bản cho người lao động:

“Công dân có quyền được bảo vệ sức khỏe (BVSK), nghỉ ngơi, giải trí, rèn luyện thân thể; được đảm bảo vệ sinh trong lao động, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường và được phục vụ về chuyên môn y tế” (*Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân. Chương 1. Điều 1*).

“Người lao động phải tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động và nội quy lao động của doanh nghiệp. Mọi tổ chức và cá nhân có liên quan đến lao động, sản xuất phải tuân thủ theo pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động và về bảo vệ môi trường” (*Bộ Luật lao động. Chương IX. Điều 95*).

“Người lao động có quyền từ chối làm công việc, hoặc rời bỏ nơi làm việc khi thấy rõ nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, đe dọa nghiêm trọng tính mạng hoặc sức khỏe của mình và phải báo ngay với người phụ trách trực tiếp” (*Bộ Luật lao động. Chương IX, Điều 99*).

b. Nghị định 06/CP (20/1/1995) của Chính phủ về ATLĐ, VSLĐ. Nghị định số 110/2002/NĐCP (27/2/2002) về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 06/CP;

c. Quyết định số 40/2005/QĐ-TTg ngày 28/02/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng quốc gia về Bảo hộ lao động.

d. Chỉ thị số 10/2008/CT-TTg ngày 14/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động.

e. Chỉ thị số 20/2004/CT-TTg ngày 08/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động trong sản xuất nông nghiệp, nhất là trong việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc phòng, chống mối mọt, côn trùng, chế phẩm sinh học phục vụ trồng trọt, chăn nuôi, sử dụng máy nông nghiệp; thành lập bộ phận chuyên trách công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động trong nông nghiệp.

f. Quyết định số 2281/QĐ-TTg ngày 10/12/2010 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chương trình Quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động giai đoạn 2011-2015, trong đó có chương trình phòng, chống bệnh nghề nghiệp, chăm sóc sức khỏe người lao động của Ngành Y tế.

g. Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 10/01/2011 của Liên bộ Lao động-Thương binh và xã hội, Bộ Y tế hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác an toàn - vệ sinh lao động trong cơ sở lao động.

5.2. Những quy định về thực hiện cung cấp dịch vụ YTLD cơ bản

5.2.1. Văn bản hướng dẫn về cơ quan/tổ chức cung cấp dịch vụ y tế lao động cơ bản các cấp:

a. Tuyến tỉnh: Quyết định số 05/2006/QĐ-BYT ngày 17/1/2006 của Bộ Y tế về việc ban hành “Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trung tâm y tế dự phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” và Quyết định số 15/2007/QĐ-BYT, ngày 30/01/2007 của Bộ Y tế về việc ban hành “Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Bảo vệ sức khỏe lao động và Môi trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.

b. Tuyến Huyện: Quyết định số 26/2005/QĐ-BYT ngày 09 tháng 9 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế dự phòng Huyện, Quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh như sau:

c. Tuyến cơ sở -Y tế xã/phường, Y tế doanh nghiệp:

- Thông tư số 09/BYT-TT ngày 24/10/1996 của Bộ Y tế về hướng dẫn chăm sóc sức khỏe cho người lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa:
- Thông tư liên tịch số 01/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 10/01/2011 về hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác an toàn-vệ sinh lao động trong cơ sở lao động:

5.2.2. Các văn bản hướng dẫn về quản lý, giám sát môi trường lao động:

a) Thông tư số 13/BYT-TT (21/10/1996 của Bộ Y tế về Hướng dẫn thực hiện quản lý vệ sinh lao động, quản lý sức khỏe người lao động và bệnh nghề

nghiệp:

b) Thông tư 03/LĐTB-XH/TT ngày 13/1/1997 của Bộ LĐTBXH qui định các điều kiện lao động có hại và các công việc không được sử dụng lao động nữ;

c) Điều 113 của Bộ Luật lao động đã qui định cấm người sử dụng lao động, bố trí sử dụng lao động nữ vào những việc làm nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại có ảnh hưởng xấu đến chức năng sinh đẻ và nuôi con, theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế ban hành;

5.2.3. Văn bản hướng dẫn về quản lý sức khỏe, tai nạn và bệnh nghề nghiệp

a. Thông tư số 13/BYT-TT (21/10/1996 của Bộ Y tế về Hướng dẫn thực hiện quản lý vệ sinh lao động, quản lý sức khỏe người lao động và bệnh nghề nghiệp

b. Thông tư số 13/2007/TT-BYT ngày 21/11/2007 của Bộ Y tế qui định điều kiện đối với cơ sở khám sức khỏe, quy trình và hồ sơ khám tuyển, khám sức khỏe định kỳ và khám theo yêu cầu.

c. Quyết định số 1613/QĐ-BYT ngày 15/8/1997 của Bộ Y tế qui định tiêu chuẩn phân loại sức khỏe để khám tuyển, khám định kỳ cho người lao động. Theo đó có 05 mức phân loại sức khỏe (loại I, II, III, IV và V).

Hiện nay có 25 bệnh nghề nghiệp nằm trong danh mục bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm trong đó các bệnh nghề nghiệp trong lao động nông nghiệp thường có nguy cơ mắc là nhiễm độc hóa chất bảo vệ thực vật, viêm phế quản nghề nghiệp, vv. Các bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm được quy định tại nhiều văn bản như Thông tư Liên bộ số 08/TTLB (19/5/1976) của Liên Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thông tư liên bộ số 29/TTLB (25/12/1991) của Liên Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 167/BYT-QĐ (4/2/1997) của Bộ Y tế; Quyết định số 27/2006/QĐ-BYT ngày 21/9/2006 của Bộ Y tế;

d. Thông tư số 08/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 20/4/1998 của Liên Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội qui định về công tác khám phát hiện, chăm sóc người bị bệnh nghề nghiệp, chế độ đối với người lao động bị bệnh nghề nghiệp được hưởng;

e. Thông tư số 12/2006/TT-BYT ngày 10/11/2006 qui định quy trình, nội dung, hội chẩn, hồ sơ và quản lý hồ sơ khám bệnh nghề nghiệp;

f. Thông tư số 10/TT-BLĐTBXH (18/4/2003) của Bộ LĐTBXH qui định Chế độ bồi thường và trợ cấp đối với người lao động bị tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp;

g. Thông tư liên tịch số 14/2005/TTLT/BLĐTBXH-BYT-TLĐLĐVN (8/3/2005) của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, Bộ Y tế và Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam Hướng dẫn khai báo, điều tra, lập biên bản, thống kê và báo cáo định kỳ tai nạn lao động;

5.2.4. Văn bản hướng dẫn về Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động

Thông tư số 37/2005/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn công tác huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động, bao gồm các quy định về nội dung huấn luyện (Những quy định chung và cụ thể về an toàn lao động, vệ sinh lao động) và thời gian huấn luyện (gồm huấn luyện lần đầu và huấn luyện định kỳ).

5.2.5. Văn bản hướng dẫn về Thời gian lao động, nghỉ ngơi

a. Thông tư số 07/TT-LĐTBXH ngày 11/4/1995 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện một số điều của Bộ Luật lao động ngày 23/6/1994 và Nghị định 195/CP ngày 31/12/1994 của Chính phủ) về thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi;

b. Thông tư số 16/TT-LĐTBXH ngày 23/4/1997 của Bộ LĐTBXH Hướng dẫn về thời giờ làm việc được rút ngắn đối với những người làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

c. Quyết định 188/1999/QĐ-TTg ngày 17/9/1999 của Thủ tướng Chính phủ qui định thực hiện chế độ tuần làm việc 40 giờ;

d. Thông tư số 15/2003/TT-BLĐTBXH ngày 3/6/2003 hướng dẫn thực hiện làm thêm giờ theo quy định của Nghị định số 109/2002/NĐ-CP ngày 27/12/2002 d) Hướng dẫn thực hiện làm thêm giờ.

5.2.6. Văn bản hướng dẫn về Trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân

a. Thông tư số 10/1998/TT-BLĐTBXH ngày 28/5/1998 qui định loại phương tiện bảo vệ cá nhân và điều kiện được trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân;

b. Quyết định số 68/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/12/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Danh mục trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động làm nghề, công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại;

5.2.7. Văn bản hướng dẫn về sử dụng an toàn hóa chất và các máy móc thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động:

a. Nghị định số 68/2005/NĐ-CP ngày 20/5/2005 của Chính phủ về an toàn hóa chất.

b. Thông tư số 04/2008/TT-LĐTBXH ngày 27/02/2008 của Bộ Lao động -

Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thủ tục đăng ký và kiểm định các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

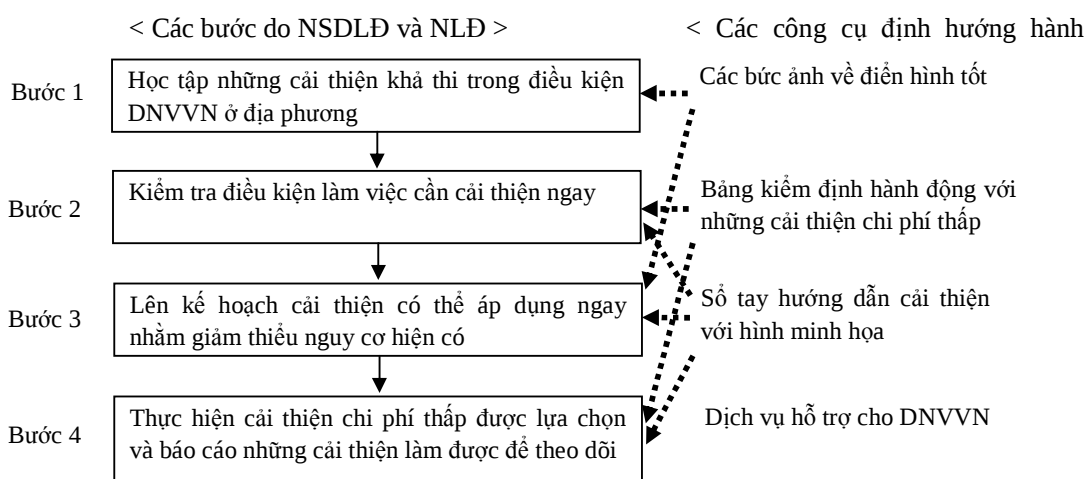
6. Kinh nghiệm từ các hoạt động cải thiện có sự tham gia của cộng đồng

Những kinh nghiệm gần đây về hoạt động cải thiện có sự tham gia của cộng đồng trong các DNVVN ở Việt Nam đã chỉ rõ nhu cầu tập trung vào các biện pháp phòng ngừa có tính khả thi. Cụ thể là, chương trình tập huấn ATVSLĐ có sự tham gia của cộng đồng ở Việt Nam như phương pháp WISE (Cải thiện điều kiện lao động trong các doanh nghiệp nhỏ) và phương pháp WIND (phát triển tình làng nghĩa xóm để cải thiện điều kiện lao động) dành cho nông dân. Trong các chương trình này, giảng viên và nhân viên kỹ thuật có thể đóng vai trò là người thúc đẩy. Quá trình cải thiện điều kiện làm việc trong các chương trình này có thể đưa ra những gợi ý hữu ích cho việc đảm bảo tham gia tích cực của người sử dụng lao động và người lao động. Đây là một trong những lý do tại sao phương pháp WISE cần được đưa vào Dịch vụ ATVSLĐ cơ bản cho DNVVN.

Thông qua cách tiếp cận WISE thực hiện ở Việt Nam, chúng ta đã thấy nhiều trường hợp người sử dụng lao động và người lao động trong các DNVVN chủ động tham gia cải thiện điều kiện lao động thực tế. Cục An toàn lao động, Bộ LĐTBXH, Cục Y tế dự phòng Bộ Y tế hoặc một số Sở Lao động_Thương binh và Xã hội và Sở Y tế địa phương có thể đưa ra những điển hình như thế. Thông thường, công cụ định hướng thực hành được sử dụng để tổ chức các bước tham gia do người sử dụng lao động và người lao động thực hiện. Những cải thiện trong tập huấn WISE quan tâm đến vận chuyển vật liệu, thay đổi địa điểm làm việc, môi trường làm việc, điều kiện phúc lợi, tổ chức công việc và bảo vệ môi trường.

Các công cụ định hướng hành động có sự tham gia của cộng đồng có ích cho việc thúc đẩy cải thiện nơi làm việc trong tập huấn WISE được chỉ ra trong Hình 4. Những công cụ này giúp người sử dụng lao động và người lao động ở DNVVN chọn lọc và thực hiện những cải thiện thực tế phù hợp ở mỗi địa phương. Cần phải lưu ý rằng 3 công cụ cơ bản được sử dụng không chỉ ở một bước mà còn ở các bước khác nhau. Các bức ảnh về điển hình tốt được sử dụng ở bước 1 và 2. Bảng kiểm định hành động liệt kê những cải thiện chi phí thấp được sử dụng trong các bước 2,3,4. Sổ tay hướng dẫn cải thiện mô tả cách thức cải thiện có thể sử dụng cho tất cả các bước 2, 3 và 4. Theo cách này, xây dựng một bộ công cụ định hướng hành động gồm các điển hình tốt, bảng kiểm định

hành động và sổ tay hướng dẫn có minh họa là rất quan trọng. Bộ công cụ dễ sử dụng này có thể hỗ trợ các bước tham gia của cộng đồng.



Hình 4. Các công cụ tham gia cộng đồng để thúc đẩy cải thiện thực tế trong tập huấn WISE.

3 công cụ này có thể được xây dựng theo cách sau:

- Các điển hình tốt ở địa phương: Nhiều bức ảnh về điển hình tốt ở địa phương theo một số lĩnh vực chuyên môn mà tập huấn WISE đề cập đến;
- Một bảng kiểm định hành động: Danh sách 30 - 40 cải thiện chi phí thấp khả thi với tình hình địa phương về những lĩnh vực chuyên môn này;
- Một cuốn sổ tay hướng dẫn cải thiện: Thông tin hướng dẫn với các hình minh họa cho thấy những cải thiện điển hình đối với mỗi nội dung cải thiện.

Vì vậy, cả 3 công cụ này được sử dụng để cung cấp dịch vụ hỗ trợ để cải thiện ATVSLĐ cho DNVVN ở Việt Nam. Dịch vụ ATVSLĐ bao gồm khảo sát nhanh môi trường lao động và các vấn đề an toàn và sức khỏe, các mẫu khảo sát đơn giản có thể bổ sung vào 3 công cụ đề cập trong Hình 4.

Lợi ích của việc thực hiện các bước tham gia cộng đồng với sự hỗ trợ trực tiếp của thanh tra ATVSLĐ và nhà cung cấp dịch vụ y tế lao động cơ bản rất rõ ràng. Việc tổ chức các bước tham gia cộng đồng đã chứng minh có hiệu

qua bằng cách áp dụng phương pháp WISE. Vì mục đích có thể nhìn thấy được theo những diễn hình tốt của địa phương, người sử dụng lao động và người lao động trong DNVVN được khuyến khích kiểm tra điều kiện làm việc của riêng mình, họ có thể lên kế hoạch và thực hiện các biện pháp khả thi. Các nhà cung cấp Dịch vụ hỗ trợ có thể thúc đẩy và duy trì sự tham gia chủ động của người sử dụng lao động và người lao động.

Chương 2

Cách thức cải thiện ATVSLĐ trong các DNVVN

Chương này giới thiệu đề cương về những giải pháp thực tế nhằm tổ chức dịch vụ hỗ trợ hiệu quả cho các DNVVN ở Việt Nam cải thiện ATVSLĐ và nhấn mạnh sự cần thiết của việc xây dựng kế hoạch can thiệp nhằm cải thiện ATVSLĐ. Hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan và tổ chức liên quan mang tính quyết định. Dựa trên sự hợp tác đã có, các đơn vị tham gia có thể tạo điều kiện thuận lợi cho các DNVVN thực hiện cải thiện trên cơ sở điều kiện thực tế của họ. Mục đích của dịch vụ cơ bản là tăng cường hoạt động tự nguyện của các DNVVN và hỗ trợ họ tiến hành cải thiện tự nguyện, góp phần vào việc phòng ngừa rủi ro tại nơi làm việc. Các giải pháp thực tế để duy trì hoạt động cải thiện cũng được trao đổi thảo luận trong chương này.

1. Xây dựng kế hoạch can thiệp để cải thiện điều kiện ATVSLĐ trong DNVVN

Bước đầu tiên của việc tổ chức các dịch vụ hỗ trợ hiệu quả cho DNVVN là lên kế hoạch can thiệp về ATVSLĐ của DNVVN ở cấp huyện hoặc tỉnh. Để thực hiện có hiệu quả, cần lựa chọn các DNVVN mục tiêu và thành lập một nhóm công tác bao gồm các cơ quan và tổ chức liên quan tham gia. Nên bắt đầu bằng những hoạt động nhỏ khả thi trước, sau đó thực hiện dần các hoạt động khác lớn hơn.

Mục tiêu của bước lập kế hoạch này là thực hiện một kế hoạch can thiệp khả thi trong một khoảng thời gian nhất định để cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN ở địa phương, thông qua việc hợp tác với các cơ quan và tổ chức tham gia. Mục đích can thiệp có thể bao gồm nhận diện và đánh giá nguy cơ đối với an toàn và sức khỏe của người lao động, tập huấn theo phương pháp giáo dục

hành động có sự tham gia, thăm doanh nghiệp để tư vấn và hỗ trợ, và các hoạt động theo dõi. Những hoạt động này rất quan trọng để đánh giá tác động và tính bền vững của những can thiệp có kế hoạch.

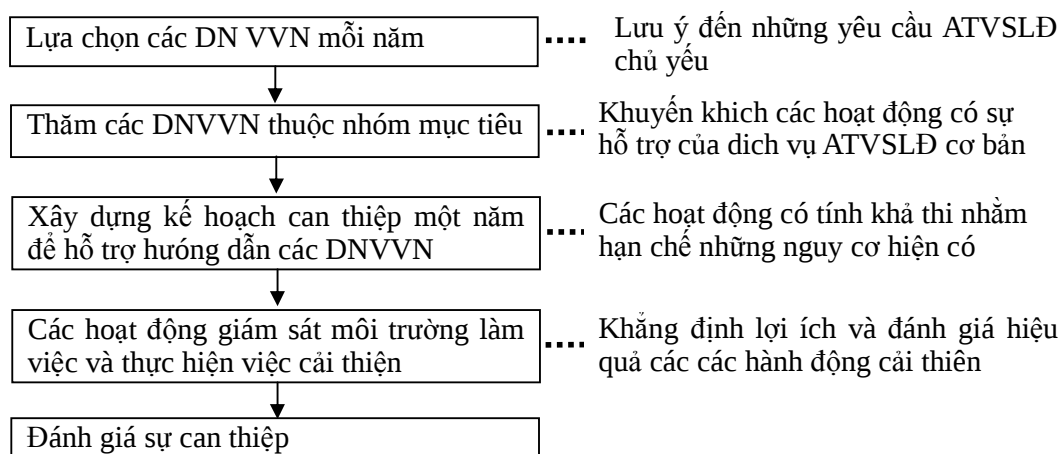
1.1. Lựa chọn các doanh nghiệp mục tiêu

Để lựa chọn doanh nghiệp mục tiêu, cần lựa chọn các DN VVN có nhu cầu sử dụng dịch vụ ATVSLĐ cơ bản nhằm bảo vệ công nhân của họ. Sẽ là lý tưởng nếu bạn chọn một số DN VVN có các vấn đề về an toàn và sức khỏe tương tự. Số các DN VVN lựa chọn trong năm đầu tiên can thiệp nên hạn chế để có thể cung cấp các dịch vụ tổng hợp. Ví dụ chọn khoảng 10 doanh nghiệp nhỏ chế biến thực phẩm hoặc sửa chữa cơ khí chẳng hạn.

Tham khảo ý kiến của các tổ chức thương mại và công đoàn ở địa phương là cần thiết và có lợi khi lựa chọn các doanh nghiệp vừa và nhỏ và xây dựng kế hoạch tổng thể. Đề nghị họ phổ biến thông tin về hoạt động dịch vụ ATVSLĐ cơ bản cho các đối tượng của họ để dịch vụ được sử dụng rộng rãi hơn.

1.2. Xây dựng chương trình kế hoạch một năm

Ở giai đoạn này, điều quan trọng là xây dựng được một kế hoạch để thực hiện hơn là một kế hoạch phức tạp và nhiều tham vọng. Sau khi thành lập nhóm can thiệp trong số các nhà cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản, cần xây dựng kế hoạch can thiệp. Thông thường, sự hợp tác chặt chẽ giữa thanh tra lao động và các nhân viên trung tâm y tế của Sở Y tế là chủ yếu để thực hiện kế hoạch một cách có hiệu quả. Kế hoạch bao gồm các hoạt động trong hình 5 dưới đây:



Hình 5. Kế hoạch hoạt động can thiệp ban đầu của dịch vụ

Để đạt được sự đồng thuận của mỗi một doanh nghiệp vừa và nhỏ trong kế hoạch một năm, cần giải thích với họ về tính thực tế và đơn giản của các hoạt động trong kế hoạch. Cần thống nhất với các doanh nghiệp vừa và nhỏ về khoảng thời gian can thiệp và giám sát. Việc can thiệp để phòng ngừa các mối nguy cơ về an toàn và sức khỏe bao gồm việc khảo sát đơn giản về môi trường lao động, nhận diện các nguy cơ đáng chú ý về an toàn và sức khỏe và lựa chọn những hoạt động cải thiện có tính khả thi. Khi nhận diện các nguy cơ an toàn và sức khỏe cần lưu ý đến các kết quả khảo sát trước đây, các báo cáo thanh tra, kết quả kiểm tra sức khỏe và các dịch vụ y tế khác hiện có.

Cần phối hợp tốt giữa các đơn vị cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản trong thực hiện kế hoạch và trao đổi với nhau về các hoạt động trong kế hoạch một năm. Vì vậy kế hoạch cần bao gồm cả việc hợp tác giữa thanh tra ATVSLĐ và các đơn vị cung cấp dịch vụ y tế lao động cơ bản. Đặc biệt cần mô tả kế hoạch hợp tác giữa thanh tra lao động trong các Sở LĐTBXH và các Trung tâm y tế dự phòng. Hai cơ quan này có thể bổ sung cho nhau bằng những kinh nghiệm và chuyên môn khác nhau.

Cần lưu ý rằng việc cung cấp hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ mục tiêu là một cơ hội tốt để cung cấp dịch vụ tư vấn cho người sử dụng lao động và người lao động. Ví dụ, mỗi tuần Sở LĐTBXH và Sở Y tế có thể mở thêm dịch vụ tư vấn an toàn và sức khỏe cho người lao động.

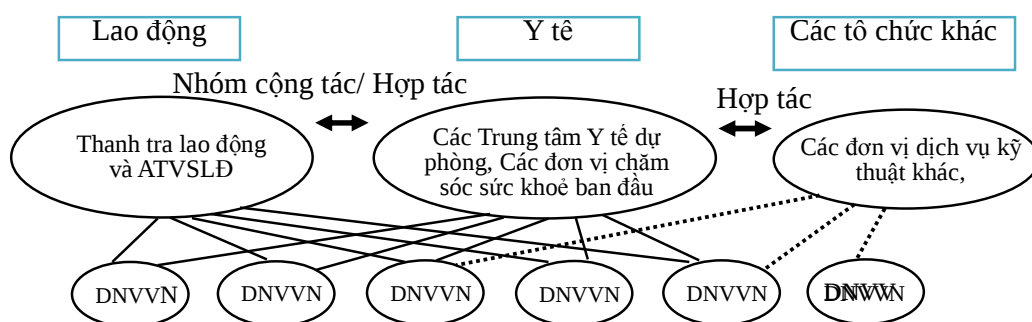
2. Hợp tác để thúc đẩy các hoạt động cải thiện tại nơi làm việc

Hợp tác chặt chẽ giữa các đơn vị dịch vụ hỗ trợ tham gia là điều kiện tiên quyết cho các hoạt động dịch vụ đầy đủ. Những ý kiến khác nhau, những kinh nghiệm và chuyên môn khác nhau của các đối tác khác nhau đều có giá trị để tổ chức thực hiện dịch vụ ATVSLĐ một cách có chất lượng. Các cơ quan và tổ chức đối tác cần xây dựng sự hợp tác và luôn luôn nâng cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2.1 Hợp tác trong lĩnh vực lao động và y tế:

Mối quan hệ này được bảo đảm bằng sự thoả thuận của các cơ quan và đối tác

về việc đề nghị cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản theo cách hợp nhất. Hợp tác thực hiện các hoạt động theo kế hoạch thông qua việc phối hợp chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật khác nhau. Ví dụ hợp tác trong lĩnh vực lao động và y tế được tổ chức theo minh họa trong hình 6 dưới đây. Trong hình ta thấy, cần tổ chức hợp tác có kế hoạch tốt giữa thanh tra lao động và ATVSLĐ với các trung tâm y tế dự phòng, các tổ chức khác và các cơ quan dịch vụ kỹ thuật năng động tại địa phương.



Hình 6. Mô hình cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản cho các DNVVN.

Các thanh tra lao động hiểu biết điều kiện lao động thực tế của các DNVVN: những mối nguy cơ ATVSLĐ chủ yếu, điều kiện kinh tế, những thách thức và những điểm tốt của các doanh nghiệp. Cán bộ y tế ở các Trung tâm y tế dự phòng hiểu biết điều kiện y tế hàng ngày. Trong thực tế, khách hàng và bệnh nhân của họ là những người lao động và những vấn đề sức khỏe có liên quan đến điều kiện làm việc của họ. Bác sĩ trong các Trung tâm y tế có trách nhiệm phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp. Bằng việc phối hợp các chuyên môn nghiệp vụ khác nhau thông qua các chuyến thăm doanh nghiệp, có thể xây dựng được kế hoạch hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc đánh giá điều kiện lao động, môi trường lao động và đánh giá tình trạng sức khỏe của công nhân, dựa vào tình trạng chung về an toàn và sức khỏe ở mỗi doanh nghiệp.

Khi hỗ trợ như vậy, làm việc theo nhóm có thể mang lại hiệu quả. Tuy nhiên, khi không thể tổ chức các chuyến thăm chung liên quan đến cả thanh tra ATVSLĐ và nhân viên y tế, các đối tác có thể chia sẻ công việc hỗ trợ DNVVN và giúp họ hoàn thành khảo sát môi trường lao động và khái quát nhanh về các nguy cơ an toàn và sức khỏe khi lập kế hoạch và thực hiện cải thiện khả thi do người sử dụng lao động và người lao động chọn với tư vấn của đối tác. Theo cách này, có thể lập kế hoạch chia sẻ linh hoạt công việc tư vấn và hỗ trợ.

2.2 Các tổ chức khác ở địa phương:

Các chuyên gia, các nhà tư vấn hoặc các đơn vị kỹ thuật khác có thể hợp tác toàn bộ hoặc một phần dựa vào chuyên môn và thời gian sẵn có để hỗ trợ DNVVN đề xuất và thực hiện việc cải thiện, nhằm phòng ngừa các mối nguy cơ về an toàn và sức khỏe của người lao động.

Sẽ có ích khi rà soát lại chuyên môn của các thành viên trong nhóm công tác khi xây dựng kế hoạch thực hiện dịch vụ ATVSLĐ cơ bản. Các bệnh viện hay các trường đào tạo cán bộ y tế có kinh nghiệm về tăng cường sức khỏe và phòng tránh bệnh tật. Những chuyên môn và kinh nghiệm khác nhau này cần được phản ánh trong xây dựng kế hoạch tổng thể và ấn định thời gian hỗ trợ.

Các tổ chức của người sử dụng lao động và công đoàn cũng có kinh nghiệm về ATVSLĐ và biết rõ nhu cầu của DNVVN về phát triển kinh doanh. Các tổ chức công đoàn tại địa phương thường tham gia vào việc điều tra tai nạn lao động và hỗ trợ các nạn nhân. Họ biết rõ nhu cầu của người lao động và hiểu cách thức cải thiện ATVSLĐ theo quan điểm của người lao động.

2.3. Tăng cường hợp tác

Có 2 cách cụ thể để thúc đẩy sự hợp tác. Cách thứ nhất là tổ chức các hoạt động phối hợp. Thanh tra lao động, nhân viên y tế và các đối tác khác cùng nhau thực hiện các hoạt động cụ thể như tiến hành khảo sát môi trường lao động, xác định các vấn đề an toàn và sức khỏe có liên quan đến lao động và hỗ trợ các hoạt động cải thiện tại nơi làm việc. Cụ thể như việc cùng nhau đi thăm doanh nghiệp sẽ nâng cao tinh thần làm việc theo nhóm và trao đổi về hiệu quả của việc cải thiện.

Cách thứ hai là chia sẻ thông tin về kết quả khảo sát và cùng thảo luận về những phát hiện mới. Thanh tra lao động có thể tìm hiểu nhiều hơn về các vấn đề an toàn tại nơi làm việc, trong khi cán bộ trung tâm y tế có thể tăng cường giám sát nhiều hơn về các vấn đề sức khỏe của người lao động. Những đơn vị cung cấp dịch vụ cần trao đổi thông tin về các hoạt động này và thảo luận, phân tích kết quả để có thể tư vấn các giải pháp thiết thực cho các doanh nghiệp.

Các DNVVN thuộc nhóm mục tiêu thường hoạt động phân tán và những yêu cầu hỗ trợ chuyên môn thường liên quan đến hầu hết các nguy cơ chủ yếu, vì vậy đôi khi khó tập hợp đủ một nhóm công tác để đáp ứng yêu cầu một cách phù hợp. Trong trường hợp đó, các đơn vị đối tác có thể lập kế hoạch thăm riêng

để hoặc tìm cách khác phù hợp để hỗ trợ và hướng dẫn kỹ thuật, và do đó cũng chia sẻ hoạt động hướng dẫn và hỗ trợ. Điều này đặc biệt quan trọng khi đối tác có kinh nghiệm hỗ trợ và chia sẻ các hoạt động hỗ trợ phụ thuộc vào đặc điểm cụ thể của doanh nghiệp tham gia.

Khi các ngành công nghiệp khác nhau cùng tham gia vào các hoạt động hỗ trợ thì kế hoạch hỗ trợ các DNVVN sẽ bao gồm cả những yêu cầu riêng biệt. Các đơn vị cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản thăm riêng để hỗ trợ kỹ thuật sẽ có lợi hơn. Việc áp dụng linh hoạt trong việc hỗ trợ là cần thiết.

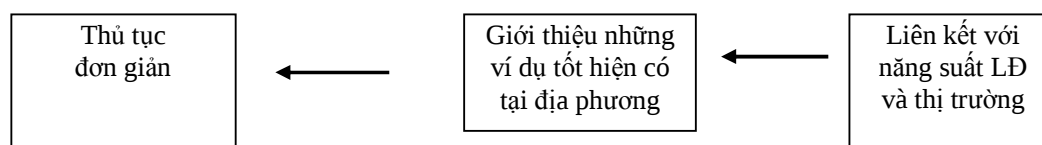
Quan hệ đối tác hiệu quả thường được nuôi dưỡng dần dần. Điều này cũng cần tính đến trong công tác hỗ trợ cho DNVVN để họ có thể tiến bộ từng bước trong vấn đề giảm nguy cơ an toàn và sức khỏe hiện có. Chúng ta cần ghi nhớ rằng quan hệ của các cơ quan và tổ chức tham gia cũng phát triển theo lối đó.

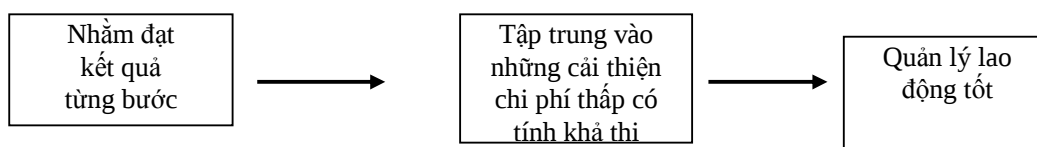
3. Hoạt động cải thiện

Người SDLĐ và người LĐ trong các DNVVN thường bận bịu với công việc phát triển sản xuất kinh doanh. Các hoạt động dịch vụ ATVSLĐ sẽ thực sự có ích khi giúp họ tiến hành cải thiện cụ thể tại nơi làm việc, dễ thực hiện và không tốn nhiều thời gian. Nhà cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản phải là người bạn, là người giúp đỡ họ, không phải là cơ quan quyền lực nhà nước, do đó cần có thái độ cung cấp dịch vụ phù hợp.

3.1. Các giải pháp tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động cải thiện trong DNVVN

Có các cách thiết thực để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động cải thiện trong DNVVN mục tiêu. Đó là, các giải pháp chi phí thấp, kết hợp giữa cải thiện ATVSLĐ với nâng cao năng suất lao động và phát triển kinh doanh, cải thiện từng bước, cách tiếp cận tích cực thông qua việc học tập những điển hình tốt tại địa phương. Ví dụ về các cách hiệu quả để thúc đẩy hành động ATVSLĐ trong DNVVN được minh họa tại hình 7.





Hình 7. Các giải pháp cải thiện thực tế

Thứ nhất là đánh giá và kiểm soát nguy cơ đơn giản, dễ thực hiện sẽ góp phần to lớn và tạo điều kiện thuận lợi cho các DNVVN tiến hành cải thiện. Có nhiều giải pháp và lĩnh vực kỹ thuật khác nhau nhằm giảm các mối nguy cơ hiện có, việc cải thiện ATVSLĐ trong các DNVVN có thể đạt được theo cách từng bước một là điều quan trọng. Thủ tục đơn giản và cải thiện từng bước sẽ phù hợp đối với người sử dụng lao động và người lao động giúp họ có thể tiến hành cải thiện ngay được.

Thứ hai là sử dụng những điển hình tốt sẵn có tại địa phương làm mục tiêu cho các hoạt động cải thiện, tập trung vào các cải thiện chi phí thấp khiến cho việc cải thiện dễ dàng hơn. Một số chủ DNVVN hiểu lầm rằng cải thiện ATVSLĐ là rất đắt và khó thực hiện. Thực ra, nhiều hoạt động cải thiện được thực hiện với chi phí thấp. Chương trình huấn luyện WISE của ILO tập trung vào những cải thiện chi phí thấp “Lưu giữ và vận chuyển nguyên vật liệu”, “Bố trí nơi làm việc”, “An toàn máy và thiết bị”, “Môi trường lao động”, “Phúc lợi xã hội và tổ chức công việc” là năm chuyên đề kỹ thuật trong đó giải pháp chi phí thấp là giải pháp có thể thực hiện được. Những ví dụ thực tế từ các DN vừa và nhỏ ở Việt Nam sẽ chỉ ra trong phần 2 của cuốn cẩm nang này.

Thứ ba là cải thiện ATVSLĐ mang lại lợi ích trực tiếp cho việc nâng cao năng suất lao động và góp phần phát triển kinh doanh, cần giải thích điều này cho chủ của các DN vừa và nhỏ.

3.2. Đạt kết quả từng bước là điều quan trọng

Các giải pháp thực tế này không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động cải thiện mà còn góp phần duy trì nó. Chính vì vậy đặt mục tiêu đạt kết quả từng bước là rất quan trọng. Theo tiêu chuẩn rủi ro đặc biệt nguy hiểm, như áp lực hoặc hạn chế tải trọng, phòng ngừa tai nạn ngã cao hoặc khám trước khi bắt đầu công việc ở khu vực chật hẹp, chúng ta cần tuân thủ các tiêu chuẩn cho

trước và không dùng giải pháp nửa vời. Mặc khác, có nhiều giải pháp đơn giản có thể góp phần làm giảm những nguy cơ về an toàn và sức khỏe như: sắp xếp lại nơi làm việc, dán nhãn, sử dụng xe đẩy, đặt dụng cụ ở vị trí dễ sử dụng, dùng ánh sáng cục bộ, giảm ồn, trang thiết bị vệ sinh và làm việc nhóm. Những cải thiện này có thể thực hiện được theo cách dần từng bước một sẽ góp phần làm cho công việc an toàn hơn, năng suất lao động cao hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng lao động và người lao động cùng thực hiện cải thiện.

Cuối cùng, các cơ quan và tổ chức hỗ trợ trực tiếp để cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN cần thu thập nhiều điển hình tốt ở địa phương về ATVSLĐ trong DNVVN và đóng vai trò người tư vấn tích cực giới thiệu những điển hình này cho người sử dụng lao động và người lao động làm mục tiêu có thể thực hành. NSDLĐ và NLĐ biết được nhiều điển hình tốt có thể tìm ra cách phù hợp và tức thì để cải thiện điều kiện hiện có. Tư vấn cho NSDLĐ và NLĐ trong DNVVN trên cơ sở các điển hình tốt đạt được tại địa phương, DNVVN được khuyến khích áp dụng ngay các phương pháp cải thiện tương tự.

Các cách thức thực tế để cải thiện ATVSLĐ này đã được phát huy tối đa trong tập huấn WISE ở Việt Nam và các nước. Hướng dẫn và hỗ trợ của thanh tra ATVSLĐ và nhân viên y tế lao động cơ bản phối hợp với các tổ chức khác ở địa phương có thể tận dụng được các cách thức thực tế này để thúc đẩy NSDLĐ và NLĐ hành động tức thì và thúc đẩy lập kế hoạch và thực hiện các biện pháp thực tế.

3.3. Liên kết giữa cải thiện ATVSLĐ với phát triển sản xuất kinh doanh

Nhiều DNVVN ở Việt nam đã nâng cao được năng suất lao động thông qua hoạt động cải thiện ATVSLĐ. Ví dụ giữ cho đường vận chuyển thông thoáng bằng loại bỏ vật liệu không cần thiết có thể giảm nguy cơ tai nạn cho công nhân đồng thời nâng cao được năng suất lao động. Nếu công nhân có chỗ làm việc phù hợp thì họ sẽ cảm thấy thoải mái trong quá trình làm việc, đồng thời tránh được đau vai, đau cơ bắp. Do vậy họ có thể tập trung vào sản xuất và chất lượng công việc. Còn nhiều ví dụ khác tương tự. Hơn nữa quá trình cải thiện điều kiện lao động còn tăng cường mối quan hệ giữa người quản lý và người lao động.

Chúng ta có thể khẳng định rằng các hoạt động cải thiện ATVSLĐ luôn

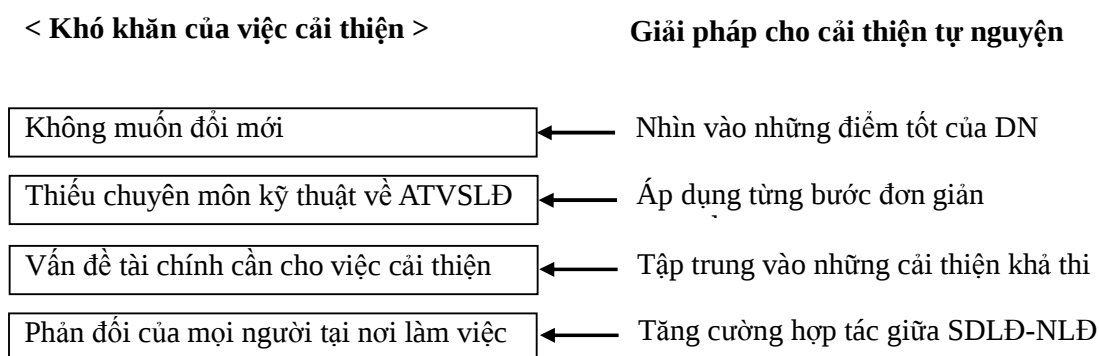
luôn tăng cường mối quan hệ giữa người SDLĐ và NLĐ. Thông qua việc tạo điều kiện thuận lợi cho người SDLĐ và NLĐ thảo luận và thực hiện cải thiện từng bước, các đơn vị cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản có thể giúp họ làm tốt việc cải thiện ATVSLĐ.

Tác động của cải thiện từng bước cần được nhấn mạnh trong chính sách tổng thể của doanh nghiệp. Ngày nay, ATVSLĐ là vấn đề chính trong trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Tạo ra môi trường làm việc an toàn và sức khoẻ góp phần to lớn vào sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Cần giúp người SDLĐ và NLĐ nhận thấy rõ lợi ích của việc cải thiện và duy trì các hoạt động đó.

4. Những khó khăn của việc tự nguyện cải thiện và làm sao để khắc phục.

Dịch vụ hỗ trợ cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN tập trung vào hoạt động cải thiện tự nguyện tại nơi làm việc. Thông qua hỗ trợ và tư vấn kỹ thuật, đơn vị cung cấp dịch vụ là người tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động tự nguyện này. Do đó cần hiểu biết những khó khăn chủ yếu của hoạt động tự nguyện cải thiện của DNVVN. Những khó khăn này thường là cảm nghĩ của người SDLĐ và NLĐ và nó cản trở sự can thiệp của dịch vụ hỗ trợ. Những khó khăn này cũng giống như những khó khăn của việc mở rộng hệ thống quản lý ATVSLĐ đến các DNVVN.

Thực ra, có giải pháp phù hợp cho hoạt động tự nguyện cải thiện ở nơi làm việc và những khó khăn mà các DNVVN gặp phải có thể vượt qua được bằng việc tin tưởng vào những giải pháp cùng với sự hợp tác của các DNVVN. Những khó khăn chính gặp phải trong tự nguyện cải thiện được chỉ ra trong Hình 8 dưới đây:



Hình 8. Những khó khăn chính và những giải pháp liên quan.

4.1 Những khó khăn của việc cải thiện tự nguyện

Khó khăn chính của việc cải thiện tự nguyện trong DNVVN thường là không sẵn sàng đổi mới, thiếu chuyên môn kỹ thuật, khó khăn về tài chính và gặp phải những phản đối tại nơi làm việc. Người SDLĐ và NLĐ khó nhận thấy lợi ích rõ ràng của sự đổi mới và không có thái độ thân thiện đối với hướng dẫn kỹ thuật và cho rằng những thay đổi có thể là một gánh nặng về tài chính đối với họ. Họ không hiểu được nhu cầu thực tế và chống lại những thay đổi về lề lối, cách thức làm việc của họ. Các đơn vị cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản cần nhận thức được những khó khăn này và cố gắng vượt qua bằng việc áp dụng những giải pháp thực tế tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động cải thiện đã giải thích ở trên.

Các đơn vị cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản cần thảo luận với nhau về những khó khăn này. Cách tiếp cận của quá trình cải thiện tự nguyện có thể khác với cách tiếp cận của hoạt động tăng cường ATVSLĐ theo lệ thường. Do vậy cần thảo luận với nhau để vượt qua những khó khăn tại các DNVVN bằng việc áp dụng cách tiếp cận mới.

4.2. Các giải pháp cải thiện tự nguyện

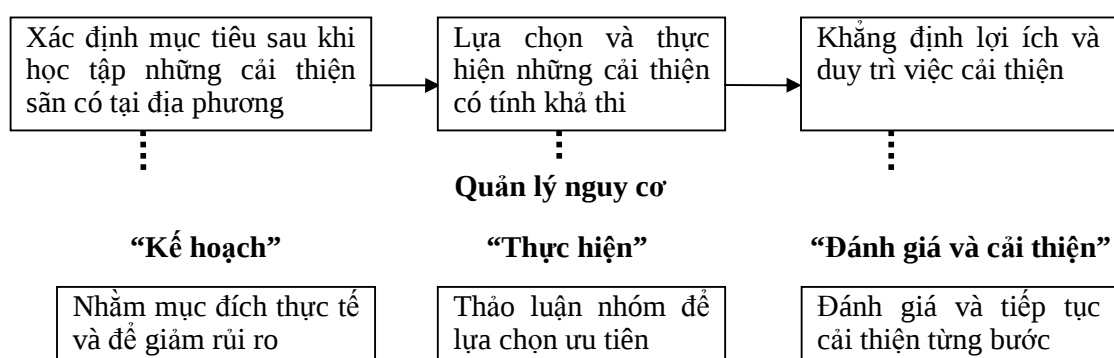
Thực hiện cải thiện ATVSLĐ tự nguyện có nghĩa là sự tham gia tích cực của cả người SDLĐ và NLĐ trong quá trình thực hiện. Ngay khi họ cam kết thực hiện cải thiện tự nguyện, họ cần biết những ví dụ tốt như là mục tiêu cần hướng tới và tiến hành các bước đơn giản để đạt được lợi ích cụ thể. Họ tập trung vào những cải thiện có tính khả thi. Thông qua những bước này, người SDLĐ và NLĐ học được cách hợp tác để đạt được kết quả có lợi cho họ. Các bước tham gia trong Chương trình WISE khuyến khích người SDLĐ và NLĐ hợp tác với nhau để nhận ra những cải thiện dễ thực hiện.

Những giải pháp này là cần thiết để vượt qua những khó khăn đã nêu ở trên. Trong hình 8, chỉ ra việc học tập những thực tế tốt và thực hiện việc cải thiện đơn giản sẽ giúp họ vượt qua khó khăn do thiếu chuyên môn kỹ thuật. Tập trung vào những cải thiện có tính khả thi và hợp tác giữa người SDLĐ và NLĐ sẽ vượt qua những khó khăn về tài chính và thực hiện đổi mới một cách có ý nghĩa.

4.3. Duy trì cải thiện tự nguyện của các DNVVN như thế nào

Rõ ràng là duy trì các hoạt động cải thiện tự nguyện của DNVVN là điều cần thiết. Việc này không khó vì dịch vụ hỗ trợ tập trung vào việc áp dụng những cải thiện có tính khả thi, nhằm làm giảm những nguy cơ về tai nạn lao động. Thông qua việc giúp đỡ các DNVVN thực hiện cải thiện từng bước, họ sẽ dễ dàng đạt được những cải thiện cụ thể, khẳng định lợi ích và tiếp tục cải thiện từng bước cơ bản. Các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động như người tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình cải thiện sẽ góp phần to lớn vào việc duy trì hoạt động cải thiện.

Cần chỉ ra rằng quá trình cải thiện tự nguyện phù hợp với quá trình thực hiện hệ thống quản lý ATVSLĐ hiện đang được giới thiệu áp dụng ở Việt Nam và nhiều nước khác trên thế giới. Hình 9 dưới đây cho thấy điều đó:



Hình. 9. Mối liên hệ giữa cải thiện từng bước và hệ thống quản lý ATVSLĐ

Quá trình quản lý nguy cơ cần sự tham gia tự nguyện của người SDLĐ và NLĐ. Các bước của quá trình này liên quan với nhau nhằm đánh giá một cách hệ thống những nguy cơ tại nơi làm việc và thực hiện các biện pháp ưu tiên với cam kết tiếp tục cải thiện. Thực tế là khi tiến hành các bước cải thiện đơn giản với sự hỗ trợ của các đơn vị và tổ chức tham gia theo đúng chu kỳ quản lý nguy cơ đã cho thấy hiệu quả của hoạt động tự nguyện cải thiện của các DNVVN.

Chương 3

Xây dựng kế hoạch và tiến hành can thiệp trực tiếp

Chương này sẽ miêu tả 5 bước lập kế hoạch và can thiệp trực tiếp để cải thiện ATVSLĐ tại các DNVVN. Các can thiệp này được tổ chức ở cấp tỉnh và huyện bằng nỗ lực chung của các cơ quan và tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ để cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN. Bước đầu, cần xây dựng kế hoạch hợp tác và khuyến khích các sáng kiến cải thiện ATVSLĐ tại nơi làm việc của các DNVVN. Mục đích can thiệp là để hỗ trợ hoạt động cải thiện của doanh nghiệp. Các hoạt động thông tin tuyên truyền và huấn luyện về ATVSLĐ cũng góp phần thúc đẩy các doanh nghiệp thực hiện cải thiện mà họ đặt ra. Các dịch vụ hỗ trợ cần phải phù hợp với hoàn cảnh riêng của doanh nghiệp, chính vì thế việc tăng cường hợp tác giữa các nhà cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản thông qua các bước này là rất quan trọng.

Bước 1. Xây dựng kế hoạch cung cấp dịch vụ thực tế để cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN

Để tăng cường cải thiện ATVSLĐ trong các DNVVN, các nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ cần xây dựng kế hoạch phối hợp cung cấp dịch vụ sao cho phù hợp với hoàn cảnh của doanh nghiệp. Cần thống nhất với nhau về loại hình dịch vụ, phản ánh được các chính sách và các chương trình quốc gia về ATVSLĐ tại các DNVVN. Trọng tâm chính của dịch vụ cần hướng đến là phòng ngừa ban đầu, đánh giá nguy cơ, xác định các yếu tố ảnh hưởng đến an toàn và sức khỏe của người lao động hay đơn giản chỉ là nhấn mạnh tầm quan trọng của việc sử dụng các phương tiện bảo hộ cá nhân. Cần phải xây dựng kế hoạch cụ thể và rõ ràng cho các dịch vụ chính, cũng như phân định rõ trách nhiệm của người cung cấp dịch vụ. Cần nêu rõ thời gian thực hiện và kèm theo kế hoạch tập huấn cho các cán bộ chủ chốt trong doanh nghiệp về cách tiếp cận và các biện pháp phòng ngừa.

1.2 Mục đích:

Khi lập kế hoạch cung cấp dịch vụ cần biết những nhu cầu chủ yếu về ATVSLĐ của các DNVVN bằng cách thu thập các số liệu sẵn có và các kết quả khảo sát gần đây về an toàn và sức khỏe của người lao động. Khi đã đánh giá được nhu cầu và khả năng của các DNVVN thì có thể xúc tiến việc xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm cung cấp dịch vụ phù hợp. Cũng nên xem xét trên phạm vi

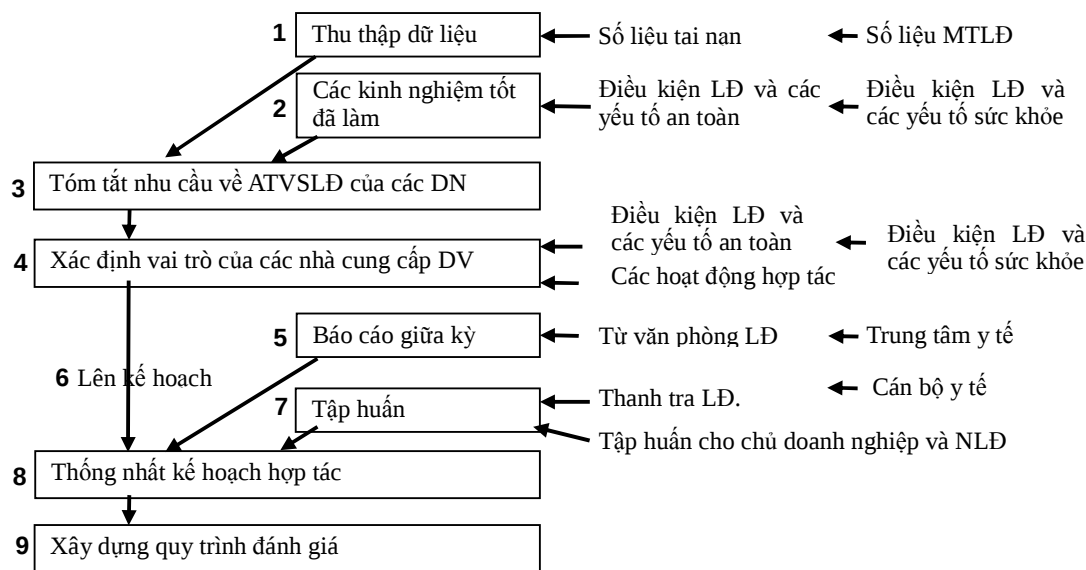
rộng các yếu tố nguy hại ảnh hưởng đến an toàn và sức khỏe của người lao động. Kế hoạch đặt ra cần được sự đồng thuận của các bên cung cấp dịch vụ hỗ trợ,

1.2. Cách tiến hành

1. Thu thập dữ liệu về các nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn và sức khỏe của người lao động tại các DNVVN. Dựa vào các kết quả khảo sát gần đây tại nơi làm việc (nếu có) để thảo luận việc xử lý sớm các vấn đề của DNVVN.
2. Xác định các loại hoạt động phòng ngừa đã được cán bộ an toàn và các doanh nghiệp thực hiện và tổng kết. Khẳng định các điển hình tốt của mỗi hoạt động.
3. Xác định nhu cầu chính về ATVSLĐ để khuyến khích hoạt động cải thiện tự nguyện của các DNVVN trong địa phương hoặc ngành theo dõi. Tính đến những dịch vụ thành công gần đây cho doanh nghiệp đó hoặc các doanh nghiệp tương tự.
4. Xác định rõ vai trò của các nhà cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản trong các hoạt động của bước 2-5. Các dịch vụ chính cho các DNVVN nên bao gồm:
 - Xây dựng các sáng kiến của DNVVN
 - Khảo sát môi trường lao động và các vấn đề về ATVSLĐ
 - Hỗ trợ cải thiện
 - Hỗ trợ báo cáo và tổng kết hoạt động cải thiện
5. Quyết định vào thời điểm nào phải viết báo cáo cuối kỳ, giữa kỳ, định kỳ về việc cung cấp dịch vụ. Những báo cáo này giúp chia sẻ thông tin về các hoạt động đã thực hiện và đánh giá hoạt động của các đối tác khác.
6. Dự kiến kế hoạch cung cấp dịch vụ hỗ trợ.
7. Dự kiến kế hoạch tập huấn cần thiết cho cán bộ cung cấp dịch vụ và người SD lao động cũng như người lao động tại các DNVVN
8. Hợp để thống nhất kế hoạch tổng thể giữa các nhà cung cấp dịch vụ và cần có sự tham gia của đại diện của người SDLĐ và người lao động của các DN.
9. Xây dựng quy trình đánh giá các dịch vụ hỗ trợ DN, sử dụng báo cáo đánh giá để duy trì dịch vụ.

Hình 10 minh họa cụ thể vai trò của các nhà cung cấp dịch vụ trong ngành lao động và y tế và cách thức để họ đóng góp cho kế hoạch và dịch vụ nào thực hiện chung tùy vào điều kiện của từng địa phương.

Hoạt động hợp	Hỗ trợ kỹ thuật	Ví dụ về đóng góp của 2 bên
		< Lao động > < Y tế >



Hình. 10. Thông tin xây dựng kế hoạch tổng thể của các nhà cung cấp dịch vụ.

1.3 Cách tăng cường hợp tác

- Điều phối vai trò của các nhà cung cấp dịch vụ để họ có thể tham gia cung cấp lâu dài. Cố gắng hợp tác càng nhiều hoạt động càng tốt. Sự phối hợp này cần phải thảo luận kỹ tại các cuộc họp chung của đại diện các bên cung cấp dịch vụ.

- Điều rất quan trọng là cần phải có sự tham gia nhiệt tình của các thành viên chủ chốt, đại diện của NLĐ và SDLĐ trong các doanh nghiệp. Cần lưu ý đến quan điểm và các mối quan tâm của tổ chức đại diện của người SDLĐ và NLĐ.

- Bất cứ khi nào có thể, nên tổ chức khảo sát các DN cùng với các nhà cung cấp dịch vụ và thảo luận các dịch vụ cần ưu tiên.

- Thu thập thông tin về các biện pháp phòng ngừa, các kinh nghiệm tốt tại địa phương để tăng cường dịch vụ hỗ trợ và phổ biến rộng các kinh nghiệm này

- Sử dụng các kết quả khảo sát để quảng bá dịch vụ cũng như các hoạt động hỗ trợ cho các doanh nghiệp.

1.4 Một vài gợi ý

- Nghiên cứu các biện pháp phòng ngừa từ chính sách và chương trình quốc gia và từ báo cáo cập nhật về tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

- Nên tìm hiểu thêm các kinh nghiệm tốt mà các DNVVN đã đạt được. Đặc biệt là các hoạt động cải thiện nhằm hiểu rõ các vấn đề ATVSLĐ hiện tại và

biết được các hoạt động cải thiện có hiệu quả cho việc phòng ngừa ban đầu.

Bước 2. Nhận diện các doanh nghiệp mục tiêu và xây dựng sáng kiến của người SDLĐ và NLĐ

Bước tiếp theo sau khi lập kế hoạch tổng thể là xác định các nhóm mục tiêu cho các nhà cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản gồm có thanh tra ATVSLĐ và nhân viên thực hiện dịch vụ y tế lao động cơ bản ở địa phương. Ngành nghề của các DN/VVN rất đa dạng, do đó không thể can thiệp tới tất cả các doanh nghiệp trong giai đoạn đầu mà, cần lựa chọn một số DN mục tiêu dựa vào mức độ cần thiết và tính khả thi của các hoạt động can thiệp. Việc lựa chọn dựa vào những ưu tiên trong chính sách và chương trình quốc gia về ATVSLĐ cũng như các thông tin liên quan đến ATVSLĐ của các DN/VVN. Cần xem xét đến tính khả thi cũng như kinh nghiệm tốt của việc cung cấp dịch vụ cho các DN/VVN mục tiêu. Kinh nghiệm cung cấp dịch vụ tại các địa phương hoặc các ngành đều có ích trong việc lựa chọn các doanh nghiệp thuộc nhóm mục tiêu.

2.1. Mục đích

Mục đích của việc lựa chọn DN/VVN mục tiêu là để khẳng định nhu cầu cấp thiết về ATVSLĐ và dự đoán mức độ khả thi của các hoạt động hỗ trợ phòng ngừa ban đầu trong DN/VVN. Các dữ liệu và kinh nghiệm gần đây về ATVSLĐ trong địa phương hoặc ngành được tính đến. Việc lựa chọn các DN mục tiêu sẽ giúp xác định tiềm năng thúc đẩy sự hợp tác giữa các nhà cung cấp dịch vụ.

2.2. Cách tiến hành

1. Việc lựa chọn các DN/VVN mục tiêu được dựa trên những kinh nghiệm sẵn có. Cần xem xét mức độ cấp thiết và những tác động tích cực của các dịch vụ cũng như sự sẵn sàng sử dụng dịch vụ của các DN/VVN.
2. Thăm một vài doanh nghiệp trong số các DN mục tiêu để khẳng định lại sự cấp thiết và tính khả thi của các dịch vụ đã đưa vào kế hoạch. Hơn nữa, cần xem xét các kinh nghiệm về ATVSLĐ trước đây của nhóm DN mục tiêu này
3. Khẳng định các vấn đề chính về ATVSLĐ của các DN mục tiêu và thảo luận xem dịch vụ nào là hữu ích nhất.
4. Nếu hợp lý, tổ chức hội thảo và tập huấn để tìm hiểu mức độ sẵn sàng cải thiện điều kiện lao động của các DN.

5. Điều chỉnh thời gian cung cấp dịch vụ và đảm bảo rằng dịch vụ sẽ thúc đẩy hoạt động phòng ngừa ban đầu nhằm giải quyết các nguy cơ.
6. Thống nhất với NSDLĐ của các doanh nghiệp về các dịch vụ sẽ được cung cấp theo kế hoạch tổng thể đã đặt ra.

2.3. Cách tăng cường

- Nên tập hợp các doanh nghiệp kinh doanh các ngành nghề khác nhau vào các nhóm nhằm tăng cường trao đổi kinh nghiệm và sáng tạo trong thực hiện cải thiện tự nguyện
- Các nhà cung cấp dịch vụ cần trao đổi thông tin về sự sẵn sàng cải thiện điều kiện lao động của các DN.
- Tận dụng những liên hệ trước đây với DNVVN thông qua nhân viên hỗ trợ tham gia.

2.4. Một số gợi ý khác

- Khi các nhóm mục tiêu đã được xác định, cố gắng điều chỉnh các dịch vụ sao cho phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp. Việc điều chỉnh này là rất cần thiết nhằm khuyến khích sự tham gia của các DN
- Trong các nhóm mục tiêu sẽ có một số DN đặc biệt quan tâm và đi đầu trong việc cải thiện, vì vậy nên tranh thủ sự thuận lợi này.
- Nên cung cấp thông tin về những kinh nghiệm tốt hiện có về ATVSLĐ thông qua các hình thức tờ rơi, bản tin hay các cuộc họp.

Bước 3. Hỗ trợ hoạt động cải thiện tại các DNVVN

Khi các DNVVN đã sẵn sàng thực hiện cải thiện, nên bắt đầu bằng việc đánh giá điều kiện lao động và hoạt động cải thiện hiện tại. Sự hỗ trợ này phù hợp với 5 bước nhỏ miêu tả trong phần này: (3.1) Khảo sát môi trường lao động; (3.2) Xác định các vấn đề về ATVSLĐ; (3.3) Hoạt động cải thiện; và (3.4) Thông tin và huấn luyện. Mục đích của những bước nhỏ này là cải thiện bước đầu và tự nguyện. Do đó nên sử dụng các phương pháp khảo sát hợp lý và các phương pháp hướng vào hành động để lựa chọn những cải thiện thiết thực.

3.1. Thực hiện khảo sát môi trường làm việc

Khảo sát môi trường làm việc là công việc đầu tiên cần thực hiện khi cải thiện ATVSLĐ tại DN. Cách đơn giản nhất là đi dạo quanh nơi làm việc có sử dụng bảng kiểm và quan sát một cách có hệ thống. Sau đó cần trao đổi với ban quản lý và đại diện của người lao động tại doanh nghiệp. Kết quả khảo sát sẽ cung cấp thông tin tóm tắt, cần chú ý tức thời về điều kiện ATVSLĐ của DN. Dựa vào kết quả khảo sát, lãnh đạo có thể đưa ra quyết định về sự cấp thiết của việc cải thiện. Kết quả khảo sát này cũng có thể sử dụng sau này để chỉ ra hiệu quả của các hoạt động cải thiện.

3.1.1. Mục đích

Thực hiện khảo sát môi trường làm việc nhằm hiểu rõ các nguy cơ về ATVSLĐ của DN thông qua việc quan sát có hệ thống tại nơi làm việc. Thông thường, việc này được thực hiện bằng cách quan sát có hệ thống môi trường làm việc để tìm ra các nguy cơ chính tại nơi làm việc. Cần quan sát dải rộng nguy cơ an toàn và sức khỏe ở nơi làm việc. Kết quả được báo cáo cho doanh nghiệp để có kế hoạch hành động cải thiện.

Hỗ trợ trực tiếp để thực hiện khảo sát môi trường lao động có thể tiến hành bằng các hành động sau. Các hành động này cần được thực hiện cùng với người quản lý các đại diện người lao động của DNVVN liên quan.

3.1.2. Cách tiến hành

1. Thăm nơi làm việc cùng các nhà quản lý và đại diện của người lao động, quan sát có tính hệ thống các yếu tố môi trường lao động và cùng nhau trao đổi về các yếu tố độc hại chính tại nơi làm việc.

2. Sử dụng bảng khảo sát môi trường lao động kèm theo hướng dẫn này. Cần làm rõ các yếu tố có nguy cơ ảnh hưởng tới an toàn và sức khỏe của người lao động, lưu ý trên phạm vi rộng các yếu tố môi trường lao động trong bảng 2 dưới đây. Khi khó phát hiện các yếu tố ảnh hưởng do thiếu dữ liệu cụ thể hoặc do ảnh hưởng chưa rõ đến người lao động thì cần trao đổi ý kiến giữa các thành viên tham gia khảo sát và ghi lại các quan sát sơ bộ này.
3. Dựa vào quan sát, tổng hợp các yếu tố môi trường lao động cần cải thiện và thu thập các kinh nghiệm tốt của doanh nghiệp trong việc kiểm soát các yếu tố độc hại.
4. Đánh giá sự tuân thủ các quy định hiện hành, các tiêu chuẩn và hướng dẫn thực hành.
5. Viết báo cáo về khảo sát môi trường lao động và trao đổi với những người quản lý và đại diện của người lao động để có thể hỗ trợ họ ra quyết định về sự cấp thiết thực hiện cải thiện.
6. Trong chuyến thăm đầu tiên, nên đi từng mục của bảng kiểm, các chuyến thăm tiếp theo thì chỉ cần xem một số mục cần thiết.
7. Có thể sử dụng kết quả quan sát để đánh giá hiệu quả của các hoạt động cải thiện sau này.

Bảng 2. Các yếu tố môi trường lao động đã được khảo sát tại nơi làm việc.

1. Vận chuyển vật liệu - Lưu trữ và vận chuyển - Nâng vật liệu - Sàn nhà, đường đi, cầu thang, giàn giáo	6. Cơ sở Phúc lợi - Nơi ăn uống - Nhà vệ sinh, chỗ rửa tay - Chỗ nghỉ ngơi
2. Nơi làm việc - Tư thế làm việc - Công việc đơn điệu - Dụng cụ cầm tay	7. Trang bị bảo hộ lao động cá nhân - Mũ cứng, giày, găng tay - Đai an toàn - Nút tai, kính, khẩu trang chuyên dụng
3. An toàn máy và điện - Thiết bị che chắn - Cầu dao khẩn cấp - Dây cáp, ổ cắm, dây nối đất	8. Tổ chức công việc - Khối lượng công việc - Thời gian làm việc - Giao tiếp, tinh thần tập thể
4. Môi trường lao động - Chiếu sáng - Nhiệt - Không khí, thông gió - Độ ồn, rung - Bức xạ, tia hồng ngoại, laser, tia cực	9. Ứng phó khẩn cấp - Hỏa hoạn - Cứu thương - Chăm sóc khẩn cấp - Thoát hiểm - Kế hoạch ứng phó khẩn cấp

tím, điện từ trường	
5. Nguy cơ về hóa chất và sinh học - Vận chuyển hóa chất - Nhãn mác, MSDS - Các chất khí, hơi, etc. - Bụi, kim loại - Các chất sinh học - Chất gây ung thư	10. Quản lý về ATVSLĐ - Chính sách, chia sẻ trách nhiệm - Ban An toàn - Báo cáo về ATVSLĐ

3.1.3. Cách tăng cường hợp tác

- Cần có sự tham gia của những người quản lý và đại diện của người lao động vào các chuyến khảo sát nơi làm việc để tăng cường sự hợp tác và tham khảo ý kiến của họ.

- Có thể mời Thanh tra lao động, cán bộ Trung tâm y tế dự phòng tham gia cùng và họ sẽ đưa ra những tư vấn kỹ thuật

- Sử dụng kết quả khảo sát để phối hợp hoạt động giữa các cơ quan liên quan và các tổ chức khác tại địa phương nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp .

3.1.4. Một vài gợi ý khác

- Tham khảo kinh nghiệm tốt ở các cơ sở tương tự và các kinh nghiệm cải thiện thành công của họ. Khi có hoạt động cải thiện nào, hãy quan sát hiệu quả của nó.

- So sánh kết quả khảo sát với các số liệu liên quan đến môi trường lao động trong cùng ngành hoặc ngành tương tự để tham khảo.

- Xem xét các số liệu hoặc báo cáo về tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp ở cấp quốc gia hay cấp tỉnh để biết thêm về các yếu tố môi trường lao động cần được quan tâm tại DN/VVN.

3.2. Xác định các vấn đề liên quan đến ATVSLĐ

Để hiểu rõ sự cần thiết phải cải thiện điều kiện lao động, cần đánh giá xem an toàn và sức khỏe của người lao động bị ảnh hưởng ở mức độ nào. Thu thập và phân tích các số liệu gần đây về chấn thương và rối loạn sức khỏe cũng như các kết quả khảo sát về an toàn và sức khỏe của người lao động và người sử dụng lao động. Ở các DN/VVN mục tiêu, số liệu chi tiết về an toàn và sức khỏe của người lao động thường có hạn, do đó, cần lưu ý đến kết quả phỏng vấn người sử dụng lao động và người lao động cũng như ý kiến của các chuyên gia đã đến thăm doanh nghiệp. Cần tham khảo thêm thông tin từ các DN/VVN tương

tự ở các tỉnh khác hoặc từ thống kê quốc gia. Việc tổng hợp thông tin để ước đoán các vấn đề an toàn và sức khỏe cấp bách cũng rất hữu ích.

3.2.1. Mục đích

Mục đích là ước đoán các vấn đề an toàn và sức khỏe cần được giải quyết bằng những nỗ lực chung của DNVVN và các đơn vị cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản. Cần so sánh các thông tin có được với những diễn biến gần đây trong các DNVVN ở địa phương và trong cả nước nói chung. Cần bao gồm nhiều vấn đề an toàn và sức khỏe để hiểu những loại cải thiện cần thiết nhằm giải quyết các vấn đề này.

3.2.2. Cách thực hiện

1. Thu thập dữ liệu gần đây về tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp của các DNVVN mục tiêu và của các DN tương tự. Kiểm tra các dạng chấn thương và rối loạn sức khỏe của người lao động trong mối quan hệ với điều kiện làm việc hiện tại. Những báo cáo gần đây của thanh tra ATVSLĐ và kiểm tra sức khỏe hoặc nghiên cứu các đơn khiếu kiện cũng cần được xem xét. Khi thu thập các dữ liệu này, cần tìm hiểu xem loại dịch vụ an toàn và sức khỏe nào được cung cấp cho DNVVN để biết cơ sở của những dữ liệu đó.
2. Tiến hành phỏng vấn đại diện người sử dụng lao động và người lao động của DNVVN về các vấn đề an toàn và sức khỏe ảnh hưởng tới người lao động, về những hiểu biết đối với điều kiện lao động hiện tại và việc cải thiện nào mà họ thấy là cần thiết.
3. Trên cơ sở các thông tin thu được, tóm tắt các vấn đề an toàn và sức khỏe cần thực hiện cải thiện để chỉ ra những vấn đề đòi hỏi hành động khẩn cấp.
4. So sánh thông tin tóm lược với những cải thiện gần đây của DNVVN mục tiêu để ước đoán hiệu quả của việc cải thiện và đề xuất những hành động khẩn cấp cần thực hiện.
5. Viết báo cáo về các vấn đề an toàn và sức khỏe quan sát được và trình bày trước doanh nghiệp. Thảo luận với đại diện người quản lý và người lao động để hiểu nhu cầu cải thiện và tình trạng tuân thủ các quy định hiện có.
6. Thảo luận kết quả với đại diện người quản lý và người lao động để giúp họ quyết định về tính cấp bách và ưu tiên cho việc cải thiện.
7. Ở bước tiếp theo, có thể sử dụng bản tóm tắt các vấn đề an toàn và sức khỏe để biết hiệu quả của việc cải thiện thực hiện tại DNVVN mục tiêu.

Bảng 3. Các vấn đề an toàn và sức khỏe được xem xét từ dữ liệu và phỏng vấn

Dịch vụ ATVSLĐ được cung cấp tại doanh nghiệp	Tai nạn và rối loạn sức khỏe được khảo sát
1. Thanh tra và hướng dẫn ATVSLĐ - Thanh tra ATVSLĐ do thanh tra viên thực hiện - Báo cáo tai nạn thường kỳ - Điều tra tai nạn - Điều tra môi trường lao động - Thanh tra và hướng dẫn về vệ sinh lao động - Hướng dẫn các biện pháp ATVSLĐ	1. Tai nạn lao động - Tai nạn do máy móc - Tai nạn do điều hành công việc - Tai nạn do ngã cao - Tai nạn do phương tiện - Bạo lực tại nơi làm việc - Nhu cầu ứng phó thiên tai
2. Khám sức khỏe và các dịch vụ khác - Khám sức khỏe trước khi làm việc - Khám sức khỏe định kỳ - Khám sức khỏe khi trở lại làm việc - Dịch vụ phục hồi chức năng - Khám sức khỏe khi kết thúc - Dịch vụ đặc biệt cho người lao động già - Tiêm và phòng ngừa lây nhiễm - Sơ cứu - Tăng cường sức khỏe nói chung - Tiếp cận dịch vụ sức khỏe nói chung	2. Bệnh và rối loạn nghề nghiệp - Rối loạn hô hấp - Bệnh về da - Nhiễm độc hóa chất - Mất thính lực do tiếng ồn - Đau thắt lưng - Các rối loạn cơ xương khác - Rối loạn sức khỏe do sức nóng hoặc lạnh - Bệnh truyền nhiễm - Các bệnh nghề nghiệp khác - Rối loạn sức khỏe nói chung liên quan đến công việc

Cần tóm tắt cả hai loại dịch vụ an toàn và sức khỏe đã cho và các loại chấn thương và bệnh nghề nghiệp có thể xảy ra tại doanh nghiệp liên quan và các DNVVN tương tự. Thông tin này giúp hiểu mức độ trầm trọng của vấn đề an toàn và sức khỏe và loại hình dịch vụ nào phù hợp. Thông thường, các loại hình dịch vụ và vấn đề an toàn và sức khỏe như liệt kê trong Bảng 3.

3.2.3. Cách tăng cường hợp tác

- Hợp tác giữa các cơ quan và tổ chức hỗ trợ cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN đặc biệt quan trọng cho việc thu thập thông tin về các vấn đề an toàn và sức khỏe. Cả thanh tra ATVSLĐ và nhân viên Trung tâm y tế dự phòng đều có kinh nghiệm về vấn đề ATVSLĐ trong DNVVN mà họ làm việc, và những kinh nghiệm này có giá trị trong việc đánh giá các vấn đề ATVSLĐ của DNVVN

- Phỏng vấn đại diện người quản lý và người lao động của DNVVN để biết quan điểm của họ, đây là những nguồn thông tin quan trọng về những vấn đề hiện tại.

- Các bên cung cấp Dịch vụ ATVSLĐ cơ bản cùng thảo luận về hành

động cần ưu tiên. Thông tin thu thập được có ích cho việc tư vấn và đào tạo các DNVVN.

3.2.4. Một số gợi ý khác

- Cố gắng thu thập thông tin không chỉ về các vấn đề tồn tại mà cả về những điển hình tốt trong DNVVN để hiểu hoạt động cải thiện cần thiết trong điều kiện cụ thể của DNVVN đó.

- So sánh thông tin thu thập được với những thống kê hoặc báo cáo tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp ở cấp quốc gia và cấp tỉnh giúp cho việc đánh giá dữ liệu ATVSLĐ.

3.3. Hỗ trợ hoạt động cải thiện tại nơi làm việc

Sau khi khảo sát môi trường lao động và nhận diện các vấn đề an toàn và sức khỏe, cần hỗ trợ người sử dụng lao động và người lao động thực hiện việc cải thiện, bằng cách khuyến khích họ tìm ra sáng kiến và tự nguyện thực hiện cải thiện. Việc khuyến khích hiệu quả hơn khi được kết hợp với cung cấp thông tin và tập huấn định hướng hành động như giải thích trong bước 3.4. Quy trình hỗ trợ trực tiếp cho việc cải thiện tập trung vào các cải thiện đơn giản. Điều quan trọng là giúp người sử dụng lao động và người lao động chọn lựa những cải thiện chi phí thấp, thực tế nhằm giúp giảm thiểu nguy cơ hiện có. Vì vậy, ở đây nhấn mạnh việc sử dụng các công cụ định hướng hành động.

3.3.1. Mục đích

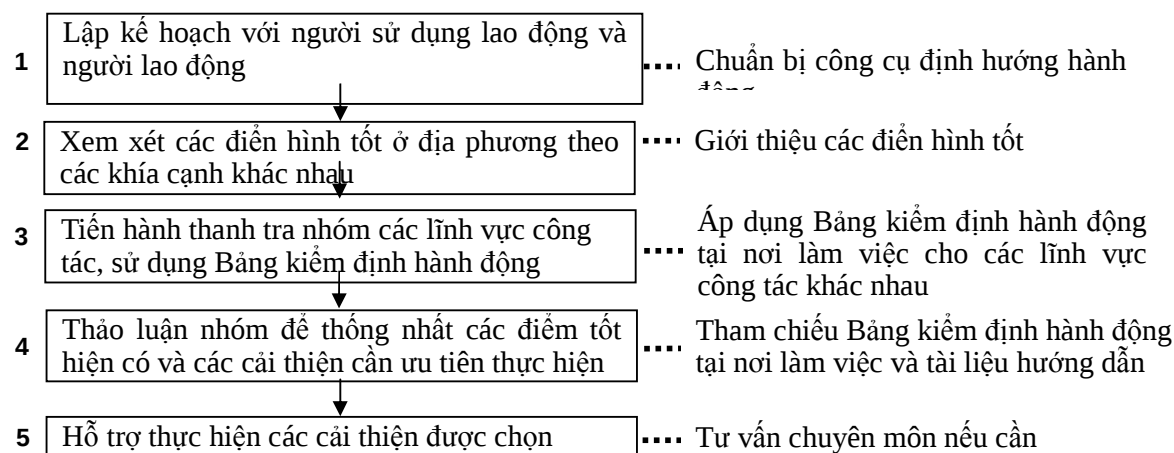
Mục đích của bước này là hoạt động cải thiện cụ thể do người sử dụng lao động và người lao động tự nguyện lựa chọn. Những cải thiện thực tế này sẽ khuyến khích các DNVVN lập kế hoạch hành động tương tự. Cần chú trọng chọn lựa những cải thiện có chi phí thấp và ảnh hưởng tốt đến việc giảm thiểu nguy cơ hiện có.

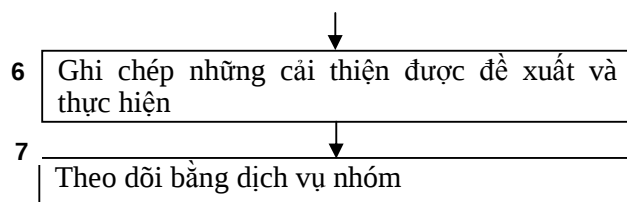
3.3.2. Cách thực hiện

1. Trên cơ sở những kết quả khảo sát môi trường làm việc và nhận diện những vấn đề ATVSLĐ chính tại nơi làm việc, xây dựng kế hoạch để tiến hành những cải thiện có tính khả thi nhằm giảm thiểu nguy cơ hiện có. Kế hoạch cần đề cập đến việc lựa chọn thực hiện cải thiện và theo dõi kết quả.

2. Cùng với đại diện người quản lý và người lao động, xem xét những điển hình tốt đạt được ở địa phương và yêu cầu họ lựa chọn các lĩnh vực cần hoạt động cải thiện gấp.
3. Tiến hành thanh tra nhóm tại nơi làm việc và sử dụng Bảng kiểm định hành động. Bảng kiểm định gồm các cải thiện chi phí thấp trên nhiều khía cạnh của môi trường lao động và có thể thu hút mọi người thực hiện các hình thức cải thiện thực tế ở các lĩnh vực khác nhau. Sau khi thanh tra nhóm, cần tổ chức thảo luận nhóm về các điểm tốt phát hiện được tại nơi làm việc và các hoạt động cải thiện cần thiết.
4. Dựa trên kết quả thanh tra nhóm, nhất trí về số ít các hành động ưu tiên cần được thực hiện ngay. Sử dụng tài liệu hướng dẫn để chọn các cải thiện khả thi nhằm giảm thiểu nguy cơ hiện có. Quyết định ai chịu trách nhiệm thực hiện và đề ra thời hạn tương đối. Nếu cần, quyết định cả kinh phí thực hiện.
5. Hỗ trợ thực hiện các cải thiện được lựa chọn. Cố gắng tư vấn về các vấn đề chuyên môn.
6. Yêu cầu DNVVN ghi chép lại những cải thiện đề xuất và thực hiện để sử dụng làm báo cáo tóm tắt về những hành động được thực hiện. Hỗ trợ các DNVVN đánh giá hiệu quả cải thiện.
7. Thăm các DNVVN và tiếp tục hỗ trợ họ đánh giá những cải thiện được thực hiện. Khuyến khích các doanh nghiệp tiếp tục hành động. Các nhà cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản cùng thảo luận về các cải thiện được DNVVN thực hiện, nhằm tiếp tục điều chỉnh quá trình cải thiện cho phù hợp với điều kiện địa phương.

Chuỗi hoạt động cải thiện được mô tả trên có thể tóm tắt trong Hình 11. Các công cụ định hướng hành động bao gồm (a) điển hình tốt ở địa phương, (b) Bảng kiểm định hành động tại nơi làm việc và (c) tài liệu hướng dẫn. Các công cụ này được sử dụng trong các giai đoạn khác nhau của việc cải thiện như sau:





Hình 11. Chuỗi hoạt động cải thiện do DNVVN thực hiện

3.3.3. Sử dụng Bảng kiểm định hành động tại nơi làm việc

Bảng kiểm định hành động tại nơi làm việc được kèm theo trong tài liệu Hướng dẫn hành động này (Phụ lục 3) nhằm sử dụng trong việc thanh tra nhóm ở mỗi DNVVN. Bảng kiểm định chỉ ra những cải thiện có thể được thực hiện trong tình hình hiện tại của DNVVN. Các hoạt động cải thiện này đã chứng minh là có ích ở Việt Nam thông qua thực hiện chương trình WISE ở một số tỉnh.

Bảng kiểm định hành động tại nơi làm việc có 43 mục. Các mục này tương ứng với 37 yếu tố có trong Bảng khảo sát Môi trường lao động (Phụ lục 1). 43 mục này đại diện cho những cải thiện chi phí thấp, thực tế có thể giúp giảm thiểu những nguy cơ trong môi trường lao động. Các lĩnh vực mà Bảng kiểm định áp dụng được chỉ ra trong Bảng 4.

Bảng 4. Các khía cạnh môi trường lao động đề cập trong Bảng kiểm định hành động tại nơi làm việc

1. Vận chuyển vật liệu (4 mục) - Lối đi quang đãng - Xe đẩy nhiều tầng - Xe đẩy, xe di động - Thiết bị nâng	6. Điều kiện phúc lợi (3 mục) - Nước uống, đồ ăn - Nhà vệ sinh, tắm rửa - Nơi nghỉ
2. Nơi làm việc (4 mục) - dễ lấy vật liệu - làm việc ở độ cao ngang lưng - sử dụng các vật cố định - biển báo, nhãn mác	7. Trang bị bảo vệ cá nhân (4 mục) - những nơi cần TBBVCN - tập huấn về TBBVCN - Dây an toàn - bảo dưỡng TBBVCN
3. An toàn máy và điện (4 mục) - bao che chuyển động của máy - thiết bị khóa - Dừng khẩn cấp - đường dây điện an toàn	8. Tổ chức công việc (4 mục) - cải tiến công việc khó - thông báo, tờ rơi - hộp ngăn - thời gian nghỉ
4. Môi trường vật lý (6 mục) - chiếu sáng - độ nóng, lạnh quá mức - hệ thống thông gió - Độ ồn	9. Ứng phó khẩn cấp (5 mục) - Phòng cháy - Tủ thuốc sơ cứu - tiếp cận chăm sóc y tế - sơ tán - kế hoạch khẩn cấp

- giảm rung lắc	- bức xạ, laze	
5. Rủi ro hóa chất và sinh học (6 mục) - dán nhãn và MSDS- vận chuyển an toàn - gói kín, thoát khí cục bộ.- hút bụi. - chất gây ung thư - lây nhiễm		10. Quản lý an toàn/sức khỏe - chính sách an toàn và sức khỏe - ban an toàn và sức khỏe - báo cáo thường kỳ về an toàn và sức khỏe

Việc áp dụng Bảng kiểm định hành động tại nơi làm việc do thanh tra nhóm thực hiện. Cần thảo luận nhóm ngay sau khi thanh tra để thống nhất về các điểm tốt tìm thấy và những điểm cần cải thiện. Kết quả được thông báo cho nhà quản lý bằng mẫu báo cáo riêng để đề xuất những cải thiện nơi làm việc ở cuối của Bảng kiểm định này.

3.3.4. Tăng cường sự hợp tác

- Thanh tra ATVSLĐ và nhân viên trung tâm y tế dự phòng cần hợp tác chặt chẽ để hỗ trợ và khuyến khích quá trình thực hiện cải thiện khả thi ở những lĩnh vực công tác được lựa chọn.

- Được tổ chức đại diện của người sử dụng lao động và công đoàn cùng tham gia để hỗ trợ hướng dẫn các DNVVN thực hiện việc cải thiện.

- Cần giới thiệu những điển hình tốt ở địa phương và các biện pháp giảm thiểu nguy cơ có tính khả thi cho người quản lý và người lao động trong DNVVN biết. Đây là việc tốt nhất được thực hiện bằng các công cụ định hướng hành động và những nỗ lực chung của thanh tra ATVSLĐ và các nhân viên trung tâm y tế dự phòng.

- Tờ rơi và các tài liệu truyền thông giới thiệu những hỗ trợ của bên cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản có thể giúp khuyến khích các hoạt động cải thiện.

3.3.5. Một số gợi ý khác

- Có thể điều chỉnh các hoạt động cải thiện cụ thể theo điều kiện địa phương, tập trung vào các cải thiện thực tế và đơn giản.

- Sáng kiến của nhà quản lý và người lao động được duy trì tốt nhất khi họ tự nguyện thực hiện những cải thiện do họ tự chọn. Chỉ dẫn họ hành động thì chưa đủ, cần hỗ trợ họ tự ra quyết định

- Các chuyên thăm theo dõi để báo cáo kết quả luôn cần thiết nhằm duy trì sự nỗ lực tham gia của các DNVVN.

3.4. Cung cấp thông tin và huấn luyện về ATVSLĐ

Toàn bộ quá trình hỗ trợ cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN chủ yếu được thúc đẩy thông qua cung cấp thông tin, giáo dục và huấn luyện ATVSLĐ đầy đủ cho nhà cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản và DNVVN. Nội dung thông tin và huấn luyện cũng như cách giáo dục và huấn luyện phải tuân thủ định hướng hành động đối với việc cải thiện. Có thể học tập từ những kinh nghiệm đã đạt được thông qua việc cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản và tập huấn WISE trong nước.

3.4.1. Mục đích

Mục đích của bước này là tăng cường hiểu biết và năng lực của cả người cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản và DNVVN về các hoạt động cải thiện tự nguyện nhằm giảm thiểu nguy cơ tại nơi làm việc. Giáo dục và đào tạo thông qua các cuộc họp, hội thảo có thể giúp tăng năng lực của cả người cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản và người sử dụng lao động và người lao động trong DNVVN về thực hiện cải thiện. Thông tin và huấn luyện cần được biên soạn và tổ chức theo hướng dễ hiểu và định hướng hành động.

3.4.2. Cách thực hiện

1. Thiết kế tờ rơi có thông tin mô tả mục đích và nội dung chính của việc hỗ trợ dịch vụ ATVSLĐ cơ bản cho DNVVN. Tờ rơi này là tài liệu truyền thông dùng để phát cho DNVVN và các tổ chức liên quan. Ngoài ra, có thể in một số tờ thông tin khác để giải thích các nguy cơ an toàn và sức khỏe mà người lao động trong DNVVN bị ảnh hưởng cũng như những cải thiện có thể thực hiện.
2. Lập kế hoạch cụ thể về tổ chức giáo dục và huấn luyện cho những người cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản và cho DNVVN.
3. Cung cấp thông tin về các hoạt động cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản trong các buổi họp, tập huấn về ATVSLĐ trong các DNVVN do Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Sở Y tế hoặc các tổ chức khác tổ chức
4. Lập kế hoạch tổ chức các lớp tập huấn khoảng 1-2 ngày cho nhân viên của đơn vị cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản và 0,5-1 ngày cho DNVVN theo phương pháp định hướng hành động và giới thiệu những điển hình tốt ở địa phương, cách thức khảo sát nguy cơ liên quan đến công việc và các biện pháp thực tế giảm thiểu nguy cơ.
5. Tập huấn cho nhân viên cung cấp dịch vụ ATVSLĐ có thể bao gồm cả các biện pháp thực tế nhằm thúc đẩy cải thiện tại DNVVN. Ngoài ra, có thể lập

kế hoạch tổ chức các buổi tập huấn về thúc đẩy cải thiện của DNVVN kết hợp trong các buổi tập huấn cho thanh tra ATVSLĐ hoặc nhân viên trung tâm y tế.

6. Tập huấn cho DNVVN có thể được tổ chức thành tập huấn định hướng hành động có sự tham gia của cộng đồng để học viên học được cách thức thực tế về lập kế hoạch và thực hiện các biện pháp thực tế giảm thiểu nguy cơ. Các buổi tập huấn ngắn về cải thiện điều kiện lao động trong DNVVN có thể trở thành một phần trong các hoạt động tập huấn khác cho DNVVN.
7. Khi DNVVN tham gia yêu cầu tập huấn đặc biệt cho người lao động, có thể tổ chức các buổi tập huấn ngắn từ 2-3 tiếng.
8. Kết quả các hoạt động tập huấn này cần được báo cáo tóm tắt để nắm được nhu cầu thực tế của nhân viên hoặc của DNVVN.

3.4.3. Cách tăng cường hợp tác

- Lập kế hoạch chung về các hoạt động thông tin và huấn luyện về cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác tích cực giữa những đơn vị và các nhân cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản.

- In ấn tài liệu thông tin và tổ chức các lớp tập huấn do một số ít nhân viên cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản thực hiện. Những kinh nghiệm đó được phản hồi lại cho đơn vị cung cấp dịch vụ tương ứng và sử dụng để tăng cường kỹ năng thông tin và huấn luyện.

- Việc phổ biến thông tin và tổ chức tập huấn sẽ có hiệu quả hơn khi nhấn mạnh đến những điển hình tốt của địa phương và các biện pháp giảm nguy cơ khả thi do thanh tra ATVSLĐ và nhân viên trung tâm y tế thực hiện.

3.4.4. Một số gợi ý khác

- Cần quan tâm đảm bảo những nguyên tắc cơ bản về an toàn lao động và chăm sóc sức khỏe ban đầu được phản ánh trong các tài liệu thông tin và nội dung tập huấn.

- Cần đưa những hình ảnh hoặc minh họa về những cải thiện ATVSLĐ đạt được ở địa phương để thu hút sự chú ý của người dân địa phương.

Bước 4. Tổng kết những cải thiện ATVSLĐ

Tổng kết là bước quan trọng để đánh giá các hoạt động hướng dẫn và hỗ trợ đã thực hiện cũng như tác động của nó đối với DNVVN tham gia. Giai đoạn

này có thể tương ứng với giai đoạn “kiểm tra” trong hệ thống quản lý ATVSLĐ. Việc tổng kết cần được đưa vào các kế hoạch ban đầu để thực hiện dịch vụ hỗ trợ cho DNVVN. Việc tổng kết được tiến hành có sự tham gia của đại diện tất cả các bên cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản. Kết quả tổng kết phải được báo cáo tóm tắt và trình bày trước các bên cung cấp dịch vụ cũng như các tổ chức liên quan nhằm làm tăng độ tin cậy của quá trình tổng kết và do đó nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ.

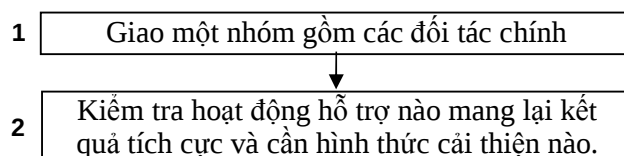
4.1. Mục đích

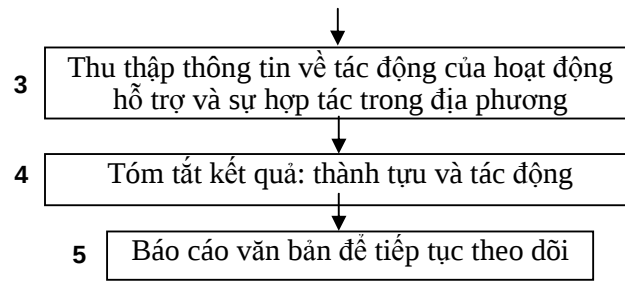
Mục đích chính của việc tổng kết là để hiểu mức độ hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ. Cần thu hút sự quan tâm đặc biệt đối với những cải thiện đã đạt được trong DNVVN và hiệu quả giảm thiểu nguy cơ của những cải thiện đó. Kết quả tổng kết được sử dụng để điều phối tốt hơn dịch vụ cho DNVVN.

4.2. Cách thực hiện

1. Giao cho một nhóm gồm các đại diện của các bên cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản xem xét lại toàn bộ quá trình hỗ trợ cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN.
2. Kiểm tra xem lĩnh vực hoạt động nào có thể mang lại kết quả tích cực và cải thiện nào cần được tiếp tục để tăng hiệu quả của hoạt động hỗ trợ.
3. Thu thập thông tin về tác động của hoạt động hỗ trợ đối với các DNVVN tham gia và các DNVVN khác cũng như đối với sự hợp tác của các tổ chức ở địa phương.
4. Thảo luận trong cuộc họp tổng kết về những thành tựu và những tác động được khẳng định. Có thể không cần tổng kết quá chi tiết, vì mục đích là để khẳng định quá trình đã làm và hiểu những loại hình dịch vụ hỗ trợ nào có hiệu quả hơn.
5. Chuẩn bị báo cáo bằng văn bản cho nhóm tổng kết và trình bày trước những nhà cung cấp dịch vụ cũng như các cơ quan, tổ chức có liên quan. Bài trình bày báo cáo tổng kết bằng văn bản cực kỳ quan trọng.

Nội dung của quá trình tổng kết được tóm tắt trong hình 12. Một buổi tổng kết tổ chức tốt sau cả quá trình có thể mang đến những dịch vụ hỗ trợ ổn định như mô tả trong Bước 5.





Hình 12. Nội dung tổng kết do cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản thực hiện

4.3. Tăng cường sự hợp tác

- Quá trình tổng kết cần được xem là một hoạt động chung của các bên cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản.
- Báo cáo bằng văn bản của nhóm tổng kết là đầu mối quan trọng để tiếp tục tăng cường sự hợp tác và điều phối các hoạt động theo kế hoạch;
- Cần xem xét cả những thành tựu của hoạt động hỗ trợ và nỗ lực hợp tác của các bên cung cấp. Đặc biệt, tác động tích cực của sự phối hợp là cơ sở để tăng cường sự hợp tác.

4.4. Một số gợi ý khác

- Nhóm tổng kết cũng cần xem xét tính phù hợp của các công cụ hành động đã sử dụng
- Cần kiểm tra các dạng cải thiện mà DNVVN tham gia đã đạt được và hiệu quả của những cải thiện đó.
- Tính bền vững của hoạt động hỗ trợ cần được thảo luận trong nhóm tổng kết. Từ thảo luận này, nhóm có thể rút ra được những gợi ý hữu ích.

Bước 5. Theo dõi và duy trì dịch vụ hỗ trợ và đào tạo

Hoạt động theo dõi rất quan trọng nhằm khẳng định những thành tựu của việc hướng dẫn và hỗ trợ do các bên cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản thực hiện. Cần tổ chức các buổi họp để thảo luận các thành tựu và dịch vụ tương lai cũng như tổ chức các buổi thăm lại doanh nghiệp. Các chuyến thăm DNVVN tham gia không chỉ khuyến khích DNVVN duy trì cải thiện tự nguyện mà còn chỉ ra những gợi ý hữu ích để tiếp tục mở rộng hoạt động của các bên cung cấp

dịch vụ ATVSLĐ cơ bản. Kết quả các hoạt động này cần được sử dụng để lập kế hoạch tương lai.

5.1. Mục đích

Hoạt động theo dõi trước mắt giúp khuyến khích cả người cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản và DNVVN tham gia xem xét những thành tựu và tiếp tục cải thiện. Hoạt động theo dõi được phối hợp tốt sẽ tăng cường mối liên kết giữa bên cung cấp dịch vụ và DNVVN, đồng thời tăng cường sự hợp tác của chính các bên cung cấp dịch vụ.

5.2. Cách thực hiện

1. Tiến hành thăm các DNVVN tham gia để tìm hiểu quan điểm của người sử dụng lao động và người lao động về hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ và hướng dẫn cũng như những thay đổi có được trong doanh nghiệp.
2. Nếu cần, tổ chức một cuộc họp giữa các thành viên của các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ với các cơ quan, các đối tác và DNVVN liên quan để tham khảo ý kiến của họ.
3. Nếu cần, tổ chức một hội thảo thành tựu có sự tham gia của các DNVVN để hiểu phản ứng của họ.
4. Thu thập thông tin về những cải thiện được DNVVN tham gia thực hiện. Soạn thảo thông tin về số cải thiện, loại hình cải thiện hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn khác nhau và tác dụng giảm thiểu nguy cơ.
5. Trên cơ sở những kết quả thảo luận tại cuộc họp và các chuyên thăm theo dõi, cần phổ biến hướng dẫn về loại hình cải thiện mà DNVVN có thể đạt được.
6. Thông qua bản tin, tờ rơi và trang web phù hợp, cần trao đổi những kinh nghiệm tích cực đã được khẳng định qua những hoạt động theo dõi này nhằm duy trì cải thiện tự nguyện.

5.3. Tăng cường sự hợp tác

- Phối hợp tốt giữa các bên cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản trong hoạt động theo dõi có thể giúp duy trì dịch vụ hỗ trợ DNVVN.
- Kết quả của hoạt động theo dõi là cơ sở tốt để nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ cho các DNVVN.
- Việc phổ biến thông tin về thành công của các hoạt động hỗ trợ sẽ giúp nhân rộng dịch vụ ATVSLĐ cơ bản cho các DNVVN trong cả nước.

5.4. Một số gợi ý khác

- Tác dụng giảm thiểu nguy cơ và ảnh hưởng của các sáng kiến của DNVVN tham gia cần được đánh giá cẩn thận thông qua hoạt động theo dõi.
- Cần phải phản hồi kết quả của hoạt động theo dõi tới nhiều DNVVN. Những điển hình tốt về quản lý nguy cơ và cải thiện đạt được ở địa phương có thể được sử dụng để khuyến khích nhiều DNVVN thực hiện cải thiện tự nguyện tương tự.

5.5 Các điển hình về cải thiện nơi làm việc do DNVVN đạt được với sự hỗ trợ của Dịch vụ ATVSLĐ cơ bản và tập huấn WISE

Các điển hình về cải thiện nơi làm việc do DNVVN đạt được với sự hỗ trợ của Dịch vụ ATVSLĐ cơ bản và tập huấn WISE ở Việt Nam được chỉ ra trong Phụ lục 5 của Hướng dẫn hành động. Những điển hình này minh chứng cho hiệu quả của những cải thiện chi phí thấp, thực tế, khả thi nhằm giảm thiểu nguy cơ trong điều kiện hiện có của DNVVN ở Việt Nam.

Chương 4

Cách thức duy trì và mở rộng việc cải thiện

Chương này sẽ đề cập đến cách thức duy trì và mở rộng việc cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN ở Việt Nam thông qua Dịch vụ hỗ trợ cải thiện ATVSLĐ. Kinh nghiệm về việc đưa hoạt động cải thiện vào chương trình ATVSLĐ cho DNVVN ở Việt Nam cũng được đề cập tới. Những kinh nghiệm này cho thấy nhiều DNVVN quan tâm đến việc cải thiện điều kiện làm việc và đã đạt được nhiều kết quả. Có nhiều biện pháp thực tế có thể thực hiện bằng sự tham gia chủ động của người sử dụng lao động và người lao động. Vai trò của Dịch vụ hỗ trợ cũng được nhấn mạnh trong việc nhận diện các nguy cơ tại nơi làm việc và tiến hành những cải thiện cần thiết. Trên cơ sở những kinh nghiệm này, có gợi ý một số cách thức thực tế để thúc đẩy hợp tác giữa các cơ quan và tổ chức liên quan trong việc hỗ trợ hoạt động cải thiện của DNVVN trong điều kiện địa phương.

1. Thực hiện cải thiện từng bước

Đề cải thiện điều kiện lao động trong DNVVN, thực hiện từng bước là một chiến lược quan trọng. Thông qua việc cung cấp dịch vụ hỗ trợ định hướng hành động cho DNVVN, đã mô tả trong Chương 3, có thể thúc đẩy DNVVN thực hiện nhiều cải thiện mặc dù còn nhiều khó khăn. Những kinh nghiệm gần đây ở Việt Nam cho thấy nhiều DNVVN tiến hành cải thiện thực tế nơi làm việc của họ theo từng bước. Khi DNVVN được hướng dẫn tập trung vào những cải thiện đơn giản, chi phí thấp giúp họ giảm thiểu nguy cơ an toàn và sức khỏe, họ được khuyến khích tiếp tục hành động.

Điều quan trọng là phải hiểu chiến lược thực hiện từng bước đặc biệt phù hợp với Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp giải quyết vấn đề ATVSLĐ trong DNVVN ở Việt Nam. DNVVN được hỗ trợ để tiến hành cải thiện đơn giản trước rồi khẳng định những lợi ích có được. Nhiều DNVVN tiếp tục hoạt động cải thiện với sự hỗ trợ tập trung vào cải thiện thực tế.

Sau khi khẳng định những kết quả tích cực của hỗ trợ ban đầu, các hoạt động hỗ trợ tương tự có thể được mở rộng tới thêm một số DNVVN. Để mở rộng hỗ trợ có hiệu quả hơn thì những điểm sau đây là quan trọng:

- Những điển hình tốt của DNVVN ở địa phương cần được thu thập trong quá trình cung cấp dịch vụ hỗ trợ ban đầu rất có ích. Bộ LĐTBXH và Bộ Y tế cũng có thể chia sẻ thêm những điển hình tốt mà họ thu thập

được.

- Những câu chuyện thành công và những bức ảnh ở những DNVVN đã thực hiện cải thiện từng bước cần được tận dụng làm thông tin và tài liệu tập huấn. Những tài liệu này cho biết người sử dụng lao động và người lao động đã chọn lựa cải thiện thực tế như thế nào và những cải thiện thực tế đó đã đóng góp gì cho việc giảm thiểu nguy cơ tại nơi làm việc.
- Cần phải sắp xếp lại những điển hình tốt thu thập được để minh họa cho hiệu quả của hoạt động cải thiện nhằm giảm thiểu các nguy cơ. Ví dụ, những điển hình tốt về vận chuyển vật liệu có thể được đưa vào tài liệu tập huấn về vận chuyển vật liệu. Như chỉ ra trong Phụ lục 5, những điển hình đó chứng tỏ lợi ích có được từ những thay đổi đơn giản và giúp người sử dụng lao động và người lao động tự tin thông qua những nỗ lực tự nguyện của mình.
- Các cơ hội thanh tra và dịch vụ tư vấn sức khỏe cho người lao động cũng cần được tận dụng để nhận diện những nguy cơ cấp bách được giảm thiểu nhờ hoạt động cải thiện tự nguyện của DNVVN.
- Khi cần, các DNVVN tham gia có thể được các chuyên gia có kinh nghiệm tư vấn kỹ thuật thông qua dịch vụ hỗ trợ, ví dụ như tư vấn thiết kế hệ thống thông gió, bao che bộ phận chuyển động của máy thiết bị, thiết kế nơi làm việc để phòng ngừa nguy cơ do thiếu sót của con người... Đơn vị và cá nhân cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản có thể tư vấn cho DNVVN khi cần thiết.
- Hỗ trợ kỹ thuật cũng có thể đưa ra để phòng ngừa bệnh nghề nghiệp. Người cung cấp Dịch vụ hỗ trợ có thể giúp DNVVN tiếp cận dịch vụ tư vấn và y tế từ những thầy thuốc có kinh nghiệm để hỗ trợ kỹ thuật về phòng ngừa bệnh nghề nghiệp.
- Các cơ quan và tổ chức có thể thu được nhiều bài học từ các dịch vụ hỗ trợ từng bước một để cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN.

Nhấn mạnh những hoạt động được thực hiện

1. Trong quá trình thực hiện các bước cải thiện ATVSLĐ, cần khẳng định là người sử dụng lao động và người lao động luôn là trung tâm của các hoạt động cải thiện. Người cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản chỉ là người hỗ trợ (không phải người dẫn dắt) hành động tự lực của người sử dụng lao động và người lao động.
2. Để mở rộng dịch vụ, thanh tra lao động và nhân viên dịch vụ y tế lao động cơ bản cần tham khảo chính sách và chương trình quốc gia về

ATVSLĐ đối với DNVVN và đảm bảo rằng hoạt động hỗ trợ của họ tuân thủ các chính sách và chương trình quốc gia này.

3. Dịch vụ hỗ trợ sẽ thành công hơn khi chú ý tới đặc điểm định hướng hành động theo điều kiện thực tế của các DNVVN mục tiêu. Cần điều chỉnh các công cụ này cho phù hợp với điều kiện của DNVVN mục tiêu.

2. Duy trì hoạt động ATVSLĐ với sự tham gia của người sử dụng lao động và người lao động

Sự bền vững của hoạt động cải thiện ATVSLĐ do DNVVN thực hiện là một vấn đề quan trọng trong việc mở rộng dịch vụ hỗ trợ. Các hoạt động cải thiện được DNVVN duy trì thường xuyên khi có các bước theo dõi (mô tả trong Chương 3) do các cơ quan và tổ chức đối tác phối hợp thực hiện để hỗ trợ trực tiếp cho DNVVN cải thiện ATVSLĐ. Sự tham gia chủ động của người sử dụng lao động và người lao động cần cho việc duy trì các hoạt động cải thiện. Những yếu tố quan trọng cho thành công là (a) xây dựng “văn hóa an toàn và sức khỏe” (b) duy trì “sự tham gia chủ động của người lao động và người sử dụng lao động” trong việc thể hiện ý tưởng về cải thiện ATVSLĐ, lập kế hoạch và thực hiện các biện pháp cải thiện hiệu quả.

Để hỗ trợ hoạt động cải thiện của DNVVN, người cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản cần đóng vai trò “tạo điều kiện thuận lợi” để thúc đẩy sự tham gia chủ động của người sử dụng lao động và người lao động. Những người cung cấp dịch vụ cần giúp DNVVN học hỏi từ điển hình tốt và cùng hợp tác thực hiện các cải thiện khả thi một cách tự nguyện.

Những điểm sau sẽ rất có ích cho việc duy trì hoạt động cải thiện:

- Tạo cơ hội cho người sử dụng lao động và người lao động học hỏi những điển hình thành công từ các DNVVN và tham gia vào lập kế hoạch cải thiện thực tế.
- Cần tìm hiểu tại sao một số DNVVN rất thành công và có nhiều cải thiện so với những DN khác. Có thể do người sử dụng lao động có thái độ cởi mở khi lắng nghe và đón nhận những ý tưởng cải thiện ATVSLĐ của NLĐ; Thông tin ATVSLĐ được phổ biến giữa những người lao động; Tập huấn có sự tham gia của cộng đồng được tổ chức với sự hỗ trợ của thanh tra ATVSLĐ hoặc Trung tâm y tế dự phòng. Những điểm này góp phần xây dựng văn hóa an toàn và thúc đẩy sự tham gia chủ động của người sử dụng lao động và người lao động.
- Đi thăm và theo dõi các DNVVN rất cần thiết cho việc khẳng định lợi ích của hoạt động cải thiện và duy trì các hoạt động cải thiện.

- Bố trí thời gian và công việc để đảm bảo sự tham gia chủ động của người sử dụng lao động và người lao động cũng rất quan trọng. Nhiều DNVVN cải thiện điều kiện làm việc thông qua việc thảo luận các vấn đề ATVSLĐ trong các cuộc họp thường kỳ của Ban an toàn, hoặc tại các buổi họp ngắn mỗi buổi sáng. Chỉ định người quản lý hoặc người lao động chịu trách nhiệm về các vấn đề ATVSLĐ như cán bộ ATVSLĐ hoặc đại diện ATVSLĐ đều cần thiết. Những điểm này có thể được sử dụng làm gợi ý thực tế cho các DNVVN khác.
- Hơn nữa, cần phổ biến những cải thiện về ATVSLĐ trong các DNVVN để thu hút thêm các DNVVN khác cùng tham gia vào hoạt động dịch vụ ATVSLĐ cơ bản.

Nhấn mạnh những hành động được thực hiện

1. Luôn tôn trọng tính chất tự nguyện của những hoạt động cải thiện ATVSLĐ khi hỗ trợ DNVVN thực hiện.
2. Các chuyên gia có kinh nghiệm kể cả thanh tra ATVSLĐ và nhân viên trung tâm y tế cũng có thể tư vấn cho DNVVN xây dựng hệ thống ATVSLĐ bền vững.
3. Thông thường, việc thiết lập hệ thống quản lý ATVSLĐ có thể hỗ trợ thêm cho các DNVVN tăng cường cải thiện ATVSLĐ liên tục với sự tham gia của người sử dụng lao động và người lao động. Theo Hướng dẫn của ILO về Hệ thống Quản lý ATVSLĐ (ILO-OSH 2001), các DNVVN mục tiêu có thể khởi đầu bằng việc xây dựng một chính sách ATVSLĐ, sau đó giao nhiệm vụ cho người sử dụng lao động và mọi người lao động bảo đảm ATVSLĐ tại nơi làm việc. Trên cơ sở đó, họ có thể nhận diện những điểm cần cải thiện và thực hiện cải thiện. Tiếp theo, họ có thể đánh giá một cách tổng thể hoạt động cải thiện. Bản tiếng Việt của ILO-OSH 2001 có đăng trên trang web của Bộ LĐTBXH.
4. Quan điểm của tổ chức đại diện của người sử dụng lao động và người lao động trong các DNVVN là rất quan trọng cho việc tăng cường tính bền vững của hoạt động cải thiện. Cần tham khảo ý kiến các tổ chức này vào thời điểm thích hợp.

3. Tăng cường hợp tác để cải thiện ATVSLĐ

Các nỗ lực liên tục rất cần cho việc duy trì mối quan hệ chặt chẽ với các đối tác trong Dịch vụ hỗ trợ cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN. Các đối tác bao

gồm: thanh tra ATVSLĐ, nhân viên y tế cấp tỉnh và huyện, các sở ban ngành có liên quan, các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động, các kỹ thuật viên, thầy thuốc, y tá, chuyên gia ATVSLĐ, các tổ chức phi chính phủ liên quan và những người hỗ trợ khác. Điều quan trọng là phải giữ mối liên hệ với họ để họ đóng góp cho sự thành công của Dịch vụ ATVSLĐ cơ bản.

Để tăng cường hợp tác giữa những nhà cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản, cần xem xét lại những kinh nghiệm và thành tựu hợp tác giữa các đối tác trong quá trình cung cấp Dịch vụ ATVSLĐ cơ bản, tìm ra cách thức tăng cường hợp tác để duy trì và mở rộng các dịch vụ theo kế hoạch.

Vai trò hỗ trợ và tư vấn tổng thể của Bộ LĐTBXH và Bộ Y tế là rất quan trọng. Hai bộ này cùng theo dõi quá trình thực hiện, kết quả đạt được, các khó khăn, vướng mắc của Dịch vụ ATVSLĐ cơ bản ở tất cả các tỉnh. Vai trò hỗ trợ của Bộ bao gồm phân tích thế mạnh và những thách thức của dịch vụ hỗ trợ và tư vấn, tăng cường hợp tác để cải thiện dịch vụ.

Sau đây là những điểm cần xem xét để thúc đẩy hợp tác hơn nữa:

- Cần tìm thời điểm thích hợp (như trong dịp họp tổng kết giữa kỳ) để tìm hiểu vai trò và sự tham gia của các đối tác vào quá trình phát triển Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho DNVVN và vai trò của họ trong quá trình này.
- Các điểm chính cần xem xét là: hiệu quả hợp tác giữa thanh tra ATVSLĐ và nhân viên y tế và mức độ đạt được trong quá trình phát triển dịch vụ hỗ trợ ở huyện và tỉnh liên quan. Các tổ chức của người sử dụng lao động và người lao động có được tham khảo ý kiến thường xuyên không? Các tư vấn kỹ thuật hiện có ở địa phương như kỹ sư an toàn, thầy thuốc hoặc y tá có được huy động để hỗ trợ kỹ thuật không? Các cơ quan chính phủ liên quan khác như Sở công nghiệp hoặc môi trường có tham gia vào phát triển dịch vụ không? Nên có một số điểm khác để phản ánh kinh nghiệm thực tế từ quan điểm của một người tư vấn dịch vụ.
- Cần thảo luận các biện pháp thực tế để tăng cường hợp tác giữa các cơ quan và tổ chức tham gia, những người hỗ trợ và các cơ quan liên quan.
- Tổ chức hội thảo thành tựu giữa những người cung cấp dịch vụ ATVSLĐ cơ bản và các cơ quan liên quan. Thảo luận những thành tựu của dịch vụ, phân tích các loại hình dịch vụ đang thực hiện và nhận diện những cải thiện cần thiết.
- Tham khảo ý kiến của người lao động và sử dụng lao động trong các DNVVN mục tiêu để biết loại hình dịch vụ và tư vấn nào họ đã nhận được và họ mong đợi gì nữa từ dịch vụ hỗ trợ.

Nhấn mạnh hành động thực hiện

1. Quan hệ cá nhân mật thiết và thường xuyên liên hệ luôn là điều quan trọng để duy trì sự hợp tác tốt giữa các nhà cung cấp dịch vụ ATVSLĐ. Khi các thành viên chính nói chuyện thẳng thắn và chia sẻ ý tưởng về tầm quan trọng của dịch vụ hỗ trợ, sự hợp tác sẽ tiến triển và chặt chẽ hơn.
2. Sự tham gia chủ động của tất cả các cơ quan và tổ chức đối tác, đặc biệt là thanh tra ATVSLĐ và nhân viên y tế lao động cơ bản trong tổng kết và theo dõi cải thiện (như mô tả trong Chương 3) là điều quan trọng để tăng cường hợp tác.
3. Tận dụng các cuộc họp tổng kết chung để xem xét quá trình nhằm tăng cường dịch vụ hỗ trợ trực tiếp tại các DNVVN và các điểm cần cải thiện để Bộ LĐ-TB-XH và Bộ Y tế hợp tác tốt hơn trong lĩnh vực này.
4. Trao đổi ý tưởng và kinh nghiệm với thanh tra ATVSLĐ và nhân viên y tế lao động cơ bản ở các tỉnh lân cận cũng rất cần thiết. Khi có tình huống liên quan, cần đi thăm tỉnh nào đó để xem xét thực tế hoặc mời nhà cung cấp dịch vụ của các tỉnh khác đến tỉnh mình để họ nhận xét và tư vấn về các hoạt động dịch vụ đang thực hiện.

Chương 5

Một số gợi ý nhằm hỗ trợ cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN

Trong chương này, những gợi ý thực tế để hỗ trợ hiệu quả hoạt động cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN ở Việt Nam được đưa ra. Những gợi ý này được dựa trên kinh nghiệm gần đây trong việc hỗ trợ hoạt động ATVSLĐ ở DNVVN trong nước.

1. Thúc đẩy trao đổi và hợp tác giữa người sử dụng lao động và người lao động

Hợp tác hằng ngày giữa người sử dụng lao động và người lao động cần cho việc cải thiện an toàn, sức khỏe và năng suất trong DNVVN. Họ có thể chia sẻ lợi ích và thành tựu thông qua quan hệ hợp tác này. Thanh tra ATVSLĐ cũng như các hoạt động dịch vụ y tế lao động cơ bản nên đóng vai trò là yếu tố thúc đẩy quá trình trao đổi và hợp tác giữa họ. Điều này nên được ghi nhớ khi thăm DNVVN và thực hiện dịch vụ hỗ trợ trực tiếp ở nơi làm việc.

2. Áp dụng cách tiếp cận định hướng hành động, có sự tham gia cộng đồng

Những kinh nghiệm gần đây trong tập huấn WISE sử dụng cách tiếp cận định hướng hành động có sự tham gia cộng đồng đều rất hữu ích. Việc áp dụng bảng kiểm định hành động trong DNVVN, sau đó là thảo luận nhóm để nhận diện các giải pháp khả thi đã chứng minh là hiệu quả và do đó được đưa vào tài liệu hướng dẫn này. Cách tiếp cận này được dùng để thúc đẩy sự tham gia trực tiếp của người lao động và sử dụng lao động nhằm phát huy sáng kiến tự lực của họ. Nhân viên hỗ trợ ATVSLĐ cần áp dụng cách tiếp cận có sự tham gia của cộng đồng để phát huy sáng kiến riêng của họ.

3. Tiến hành cải thiện từng bước

Dịch vụ hỗ trợ cho DNVVN cần hướng dẫn cụ thể việc thực hiện cải thiện từng bước của người sử dụng lao động và người lao động trong DNVVN. Họ được khuyến khích khởi động bằng những giải pháp đơn giản, chi phí thấp và dần dần tiến tới những giải pháp thách thức và tốn kém hơn sau đó.

4. Kết nối các DNVVN tham gia để có ảnh hưởng rộng hơn

Quan hệ hợp tác giữa DNVVN tham gia cần bắt đầu bằng sự trao đổi cải thiện nhỏ ban đầu và mở rộng liên tục. Quan hệ này cần được thúc đẩy bằng việc hình thành một mạng lưới trao đổi kinh nghiệm để hợp tác rộng hơn.

5. Liên hệ giữa cải thiện điều kiện lao động với tăng năng suất của DNVVN

Cải thiện điều kiện lao động là phần quan trọng của doanh nghiệp nhằm tăng năng suất và hiệu quả lao động. Nhiều DNVVN đang nỗ lực để cải thiện cả ATVSLĐ và năng suất bằng những cải thiện thực tế. Thanh tra ATVSLĐ và nhân viên y tế lao động cơ bản có thể đóng vai trò chất xúc tác để thúc đẩy những cải thiện thực tế này.

6. Áp dụng bảng kiểm định hành động để cải thiện điều kiện làm việc

Sử dụng Bảng kiểm định hành động nơi làm việc có thể thúc đẩy hoạt động cải thiện của các DNVVN tham gia. Bằng cách quan sát điều kiện nơi làm việc, người sử dụng lao động và người lao động có thể nhận diện những hoạt động cải thiện cần thiết mà bảng hỏi gợi ý. Các yếu tố trong bảng kiểm định giúp họ quan sát những điểm chính về an toàn và sức khỏe và tìm ra giải pháp thực tế tương ứng. Vì bảng kiểm định hành động cho thấy những cải thiện chi phí thấp điển hình trong điều kiện địa phương, việc sử dụng nó giúp DNVVN áp dụng được những cải thiện cần thiết.

7. Thúc đẩy thảo luận nhóm để ưu tiên hành động

Thanh tra ATVSLĐ và nhân viên y tế lao động cơ bản hỗ trợ trực tiếp cho DNVVN cần hỗ trợ người sử dụng lao động và người lao động thảo luận các điểm tốt hiện có và những điểm cần cải thiện tại nơi làm việc. Thảo luận nhóm về kết quả áp dụng bảng khảo sát môi trường lao động và bảng kiểm định hành động nơi làm việc có thể tạo ra nhiều giải pháp chi phí thấp có thể thúc đẩy cả ATVSLĐ và năng suất: về sắp xếp và vận chuyển vật liệu, thiết kế nơi làm việc, an toàn máy, môi trường lao động, phúc lợi và tổ chức công việc. Tất cả các khía cạnh này liên quan tới các vấn đề an toàn và sức khỏe chung diễn ra hằng ngày tại DNVVN. Bất cứ khía cạnh nào trong đó đều có những dạng cải thiện chi phí thấp có thể thực hiện ngay. Thảo luận nhóm có thể giúp người sử dụng lao động

và người lao động đề xuất những cải thiện khả thi và ưu tiên thông qua làm việc theo nhóm.

8. Hướng tới xây dựng các điển hình tốt về ATVSLĐ trong DNVVN

Dịch vụ hỗ trợ cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN hiệu quả nhất khi chú trọng xây dựng điển hình tốt của DNVVN. Các điển hình tốt chỉ rõ những hình thức cải thiện có thể đạt được trong điều kiện thực tế của các DNVVN này. Các DNVVN tham gia được khuyến khích hướng tới những cải thiện tương tự theo sáng kiến tự nguyện của họ và các điển hình tốt được sử dụng rộng rãi để cung cấp dịch vụ hỗ trợ.

Phần 2: Tài liệu hỗ trợ cải thiện ATVSLĐ trong DNVVN

Phụ lục 1: Bảng khảo sát môi trường lao động

Phụ lục 2: Bảng khảo sát các vấn đề an toàn và sức khỏe

Phụ lục 3: Bảng kiểm định hành động tại nơi làm việc

Phụ lục 4: Các điểm kiểm định an toàn và sức khỏe cho DNVVN

Phụ lục 5: Ví dụ về các cải thiện đạt được

Phụ lục 1

Bảng khảo sát môi trường lao động

Quận/huyện		Ngày khảo sát	/ / năm
Tên công ty		Lĩnh vực hoạt động	
Phòng		Loại hình doanh nghiệp	Tư nhân/nhà nước/hợp tác xã/hộ gia đình
Người khảo sát		Số lượng người lao động	Nam () nữ ()
Người tham gia			

Kết quả quan sát	
1. Vận chuyển vật liệu ☐ Cát giữ và vận chuyển ☐ Nâng vật liệu ☐ Sàn, lối đi, bậc thang, giàn giáo	6. Điều kiện phúc lợi ☐ Nước uống, chỗ ăn uống ☐ Nhà vệ sinh, tắm rửa, thay đồ ☐ Điều kiện nghỉ ngơi
2. Nơi làm việc ☐ Tư thế làm việc ☐ Hoạt động lặp lại ☐ Dụng cụ cầm tay	7. Thiết bị bảo vệ cá nhân ☐ Mũ bảo hiểm, găng tay, quần áo, giày ☐ Bịt tai, kính, ống thở ☐ Đại an toàn
3. An toàn máy và điện ☐ Thiết bị bảo vệ, an toàn ☐ Dừng khẩn cấp ☐ Đường dây, phích cắm, nối đất	8. Tổ chức công việc ☐ Khối lượng công việc ☐ giao tiếp, làm việc nhóm ☐ giờ làm việc, nghỉ ngơi
4. Môi trường lao động ☐ Ánh sáng ☐ Điều kiện nhiệt ☐ Chất lượng không khí, thông gió ☐ Tiếng ồn, độ rung ☐ Bức xạ, hồng ngoại, lase, cực tím, điện từ trường	9. Ứng phó khẩn cấp ☐ Dập cháy, chữa cháy ☐ Bộ dụng cụ sơ cứu, tập huấn sơ cứu ☐ Cấp cứu khẩn cấp ☐ Thoát hiểm và biển báo ☐ Kế hoạch ứng phó khẩn cấp
5. Nguy cơ hóa chất và sinh học ☐ Dán nhãn và MSDS ☐ Vận chuyển hóa chất, cảnh báo ☐ Tiếp xúc với dung môi, khí rò rỉ, chất ăn mòn, hơi ẩm, khói ☐ Tiếp xúc bụi, a-mi-ăng, kim loại ☐ Chất sinh học ☐ Chất gây ung thư, chất gây dị ứng	10. Quản lý an toàn/sức khỏe ☐ Chính sách, chia sẻ trách nhiệm ☐ Ban an toàn, đại diện an toàn ☐ Báo cáo an toàn/sức khỏe

Kết quả tích cực	1)	
	2)	
	3)	
Hành động cần	1)	☐ Khẩn cấp ☐ Cần tư vấn
	2)	☐ Khẩn cấp ☐ Cần tư vấn
	3)	☐ Khẩn cấp ☐ Cần tư vấn
	4)	☐ Khẩn cấp ☐ Cần tư vấn

Phụ lục 2

Bảng khảo sát các vấn đề an toàn và sức khỏe

Quận		Ngày khảo sát	/ / năm
Tên công ty		Lĩnh vực hoạt động	
Phòng		Loại hình doanh nghiệp	Tư nhân/nhà nước/hợp tác xã/hộ gia đình
Người khảo sát		Số lượng người LĐ	Nam () nữ ()
Người tham gia			

Dịch vụ ATVSLĐ đáp ứng được	Chấn thương và bệnh nghề nghiệp tiềm tàng
2. Thanh tra và hướng dẫn ATVSLĐ ☐ Do thanh tra viên ATVSLĐ thực hiện ☐ Báo cáo thường kỳ về tai nạn ☐ Điều tra tai nạn ☐ Khảo sát môi trường làm việc ☐ Thanh tra và hướng dẫn điều kiện vệ sinh ☐ Hướng dẫn các biện pháp ATVSLĐ	2. Tai nạn lao động ☐ Tai nạn do máy móc ☐ Tai nạn do quá trình làm việc ☐ Tai nạn do ngã cao ☐ Tai nạn do phương tiện ☐ Bạo lực tại nơi làm việc ☐ Cần ứng phó thảm họa
2. Khám sức khỏe và các dịch vụ khác ☐ Khám sức khỏe trước khi nhận việc ☐ Khám định kỳ ☐ Khám sức khỏe khi trở lại làm việc ☐ Dịch vụ phục hồi chức năng ☐ Khám sức khỏe tại chỗ ☐ Dịch vụ đặc biệt cho người lao động có tuổi ☐ Tiêm phòng và phòng ngừa bệnh truyền nhiễm ☐ Sơ cứu ☐ Tăng cường sức khỏe chung ☐ Tiếp cận dịch vụ sức khỏe chung	2. Bệnh và rối loạn nghề nghiệp ☐ Rối loạn hô hấp ☐ Bệnh về da ☐ Nhiễm độc hóa chất ☐ Mất thính lực do tiếng ồn ☐ Đau thắt lưng ☐ Các rối loạn cơ xương khớp ☐ Rối loạn sức khỏe do sức nóng hoặc lạnh ☐ Bệnh truyền nhiễm ☐ Các bệnh nghề nghiệp khác ☐ Rối loạn sức khỏe nói chung liên quan đến công việc

Kết quả tích cực	1)	
	2)	
	3)	
Hành động cần	1)	☐ Khẩn cấp ☐ Cần tư vấn
	2)	☐ Khẩn cấp ☐ Cần tư vấn
	3)	☐ Khẩn cấp ☐ Cần tư vấn
	4)	☐ Khẩn cấp ☐ Cần tư vấn
	5)	☐ Khẩn cấp ☐ Cần tư vấn

Phụ lục 3

Bảng kiểm định hành động tại nơi làm việc

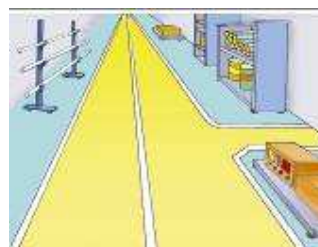
Cách sử dụng Bảng kiểm định

- 1- Xác định khu vực sẽ kiểm tra. Hỏi người SDLĐ về nghề nghiệp chính và bất cứ vấn đề quan trọng nào liên quan đến nơi làm việc
- 2- Đọc bảng kiểm định và dành thời gian đi quanh khu vực làm việc trước khi bắt đầu kiểm định
- 3- Đọc cẩn thận từng mục. Tìm cách áp dụng biện pháp phù hợp. Nếu cần, hỏi người SDLĐ một số câu hỏi. Nếu một biện pháp nào đó đã được áp dụng hoặc không cần áp dụng, đánh dấu **Không** dưới câu hỏi “Bạn có đề xuất hành động không?” Nếu bạn nghĩ biện pháp đó có giá trị, đánh dấu **Có**. Sử dụng khoảng trống dưới **Nhận xét** để đưa gợi ý của bạn vào.
- 4- Sau khi bạn đọc qua hết tất cả các mục, xem lại các mục mà bạn đã đánh dấu “**Có**”. Chọn một số mục mà bạn nhận thấy là quan trọng nhất. Đánh dấu “**Ưu tiên**” cho những mục này.
- 5- Trước khi kết thúc, cần đảm bảo rằng mỗi mục đã được đánh dấu “**Không**” hoặc “**Có**”. Và đối với một số mục đánh dấu “**Có**”, bạn đã đánh dấu “**Ưu tiên**”.
- 6- Thảo luận kết quả theo nhóm nhỏ và đưa ra đề xuất thay đổi ngay.

(1) Vận chuyển vật liệu

1. Giữ lối đi sạch sẽ và tạo điều kiện tốt để người và vật liệu di chuyển

Bạn có đề xuất hành động?
☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên



Nhận xét:

2. Sử dụng giá nhiều tầng gần khu vực làm việc để cất vật liệu, dụng cụ hoặc sản phẩm.

Bạn có đề xuất hành động?
☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên



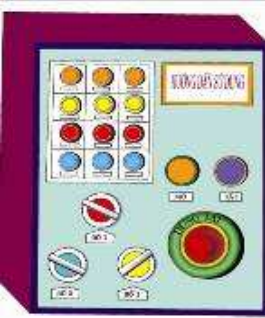
Nhận xét:

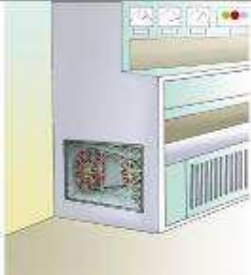
3. Sử dụng xe đẩy, tải nhỏ, giá di động hoặc các thiết bị có bánh xe khi di chuyển vật liệu.

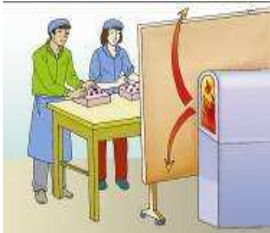
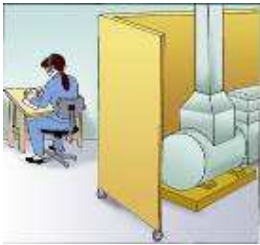
Bạn có đề xuất hành động?
☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên

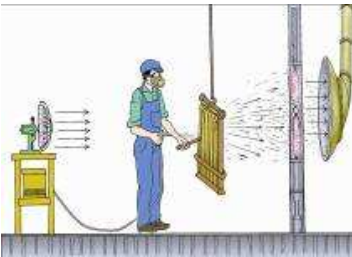


Nhận xét:

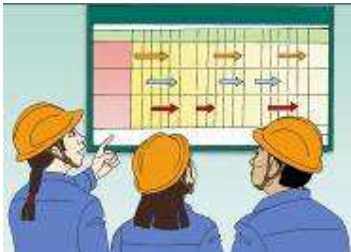
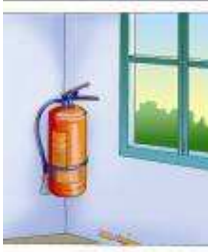
4. Sử dụng thiết bị cơ học để nâng, hạ hoặc di chuyển trọng tải lớn	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
(2) Sắp xếp <u>nơi làm việc</u>		
5. Đặt các vật liệu, dụng cụ và bảng điều khiển trong tầm dễ với.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
6. Điều chỉnh độ cao làm việc cho mỗi người lao động ở mức ngang thắt lưng hoặc dưới đó một chút	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
7. Sử dụng kẹp, đồ gá lắp và các vật cố định khác hoạt sử dụng dụng cụ treo để hoạt động lặp lại ở cùng 1 chỗ	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
8. Gắn nhãn hoặc biển báo có nội dung đơn giản và sử dụng màu sắc để tránh nhầm lẫn.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		

(3) <u>An toàn máy và an toàn điện</u>		
9. Sử dụng bộ phận bảo vệ đúng chỗ, có rào cản hoặc khóa để tránh tiếp xúc với phần máy móc chuyển động.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
10. Sử dụng thiết bị khóa để người lao động không thể với tới điểm nguy hiểm trong khi máy đang hoạt động	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
11. Bộ phận kiểm soát khẩn cấp phải dễ thấy, dễ tiếp cận và khác biệt.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
12. Đảm bảo các điểm nối dây an toàn cho máy móc, thiết bị và đèn chiếu sáng.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
(4) <u>Môi trường vật lý</u>		
13. Cung cấp đủ ánh sáng mọi lúc bằng cách bổ sung hoặc đổi vị trí đèn hoặc sử dụng đèn cho từng điểm.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	

Nhận xét:		
14. Bảo vệ người lao động tránh bị quá nóng hoặc lạnh, ví dụ, cách li nguồn gây nóng.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
15. Cải thiện và duy trì hệ thống thông gió để đảm bảo thông thoáng tại nơi làm việc tốt.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
16. Cách li hoặc bao che tiếng ồn hoặc phân gây ồn của máy.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
17. Giảm độ rung ảnh hưởng đến người lao động để tăng cường tính an toàn, sức khỏe và hiệu quả công việc.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
18. Bảo vệ người lao động tránh bị nhiễm bức xạ hồng ngoại hoặc tia cực tím, laser hoặc điện từ trường.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
(5) <u>Nguy cơ do hóa sinh</u>		
19. Dán nhãn các vật đựng hóa chất độc hại và đảm bảo người lao động dễ dàng tiếp cận với Bảng dữ liệu an toàn vật liệu (MSDS).	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	

Nhận xét:		
20. Thiết lập quy trình an toàn về cất giữ, vận chuyển và sử dụng hóa chất độc hại và đảm bảo tuân thủ đúng.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
21. Cách ly hoặc đậy kín các nguồn dung môi và lắp đặt thông gió cục bộ ở khu vực sử dụng dung môi.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
22. Cách ly hoặc đậy kín nguồn gây bụi và đặt các lỗ thông hút cục bộ cho bụi thoát ra.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
23. Đảm bảo cảnh báo đầy đủ để bảo vệ người lao động khỏi tiếp xúc với các chất gây ung thư hoặc gây dị ứng.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
24. Bảo vệ người lao động khỏi những nguy cơ sinh học bằng cách hạn chế tối đa tiếp xúc với các chất sinh học trong quá trình làm việc.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
(6) Điều kiện phúc lợi		
25. Cung cấp nước uống sạch gần nơi làm việc cho nhóm người lao động và nơi ăn uống sạch sẽ cho tất cả người lao động.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	

Nhận xét:		
26. Có nhà vệ sinh sạch sẽ, nơi tắm rửa và tủ có khóa đủ dùng.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
27. Có nơi nghỉ ngơi ngoài khu vực làm việc với chỗ ngồi thoải mái và nước giải khát.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
(7) <u>Trang bị bảo vệ cá nhân</u>		
28. Đánh dấu rõ ràng các khu vực công tác yêu cầu sử dụng TBBVCN và cung cấp TBBVCN phù hợp	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
29. Tập huấn cho người lao động sử dụng đúng và thường xuyên TBBVCN được cung cấp.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
30. Đảm bảo bảo vệ đúng người lao động làm việc trên cao trong đó có sử dụng đai an toàn.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
31. Đảm bảo TBBVCN được kiểm tra định kỳ và bảo trì đúng cách.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	

Nhận xét:		
(8) Tổ chức công việc		
32. Cải tiến công việc khó hoặc có yêu cầu tăng năng suất lâu dài.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
33. Sử dụng biển báo, hướng dẫn hoặc tờ rơi để chia sẻ thông tin cần thiết cho mọi người lao động.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
34. Tổ chức họp ngắn giữa các thành viên nhóm để đảm bảo thực hành an toàn	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
35. Đảm bảo có đủ thời gian nghỉ giữa các ngày làm việc, tránh làm thêm giờ quá nhiều và có thời gian nghỉ ngắn trong mỗi ngày làm việc.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
(9) Ứng phó khẩn cấp		
36. Cung cấp đủ bình chữa cháy trong tầm dễ lấy và đảm bảo là người lao động được tập huấn sử dụng.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
37. Cung cấp bộ dụng cụ sơ cứu gần		

nơi làm việc và tập huấn sơ cứu cho người có trách nhiệm	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
38. Giữ quan hệ tốt với cơ sở y tế gần đó phòng trường hợp cấp cứu và đảm bảo bố trí đi lại thuận tiện cho những trường hợp đó.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
39. Bố trí ít nhất 2 cách thoát hiểm ở mỗi tầng hoặc mỗi phòng lớn và có biển báo rõ ràng.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
40. Xây dựng kế hoạch khẩn cấp để đảm bảo ứng phó đúng cách và thoát hiểm nhanh.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
(10) Quản lý an toàn và sức khỏe		
-		
41. Xây dựng chính sách của doanh nghiệp để bảo đảm an toàn và sức khỏe cho người lao động, phổ biến cho tất cả người lao động được biết.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
42. Ban an toàn và sức khỏe (hoặc 1 nhóm) họp thường kỳ và đưa ra những biện pháp phòng ngừa cần thiết.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
43. Viết báo cáo thường kỳ về an toàn và sức khỏe của người lao động và phổ biến cho người lao động biết.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	

Nhận xét:		
(11) <u>Các mục bổ sung</u>		
44.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
45.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		
46.	Bạn có đề xuất hành động? ☐ Không ☐ có ☐ Ưu tiên	
Nhận xét:		

[Gợi ý cải thiện nơi làm việc trên cơ sở thảo luận nhóm]

Kết quả áp dụng bảng kiểm định do một nhóm người tham gia vào quá trình cải thiện tại nơi làm việc thảo luận nhằm tìm ra các điểm ưu tiên cần được cải thiện tại nơi đi kiểm định. Có thể gợi ý từ 1 đến 3 cải thiện. Bảng sau đây có thể sử dụng để tóm tắt các cải thiện gợi ý.

Thứ tự ưu tiên	Công việc được kiểm định	Gợi ý cải thiện	Người chịu trách nhiệm	Ngày hoàn thành	Ước tính chi phí

Phụ lục 4

Kiểm tra đánh giá nguy cơ

Quan sát nguy cơ và vấn đề trong môi trường lao động là cơ sở đánh giá và quản lý nguy cơ cũng như đề phòng ngừa chấn thương và bệnh nghề nghiệp. Khi sử dụng bảng khảo sát môi trường lao động, chúng tôi gợi ý nên xem xét các yếu tố sau là những yếu tố thường gặp tại nơi làm việc của DNVVN ở Việt Nam.

Nguy cơ an toàn và sức khỏe	Các cách quan sát vấn đề chung trong DNVVN ở Việt Nam
1. Vận chuyển vật liệu	
Cất giữ và vận chuyển	• Quan sát xem vật liệu/sản phẩm được cất giữ và vận chuyển như thế nào. Các giá đựng đồ có an toàn, dễ lấy và dán nhãn đúng không. • Xem cách thức vận chuyển vật liệu để biết công tác vận chuyển an toàn và không đòi hỏi phải thay đổi. • Liệu phương tiện vận chuyển, xe đẩy... có an toàn và bảo dưỡng tốt không.
Nâng vật liệu	• Quan sát quá trình nâng bằng tay các trọng tải nặng và độ an toàn. Nếu trọng tải nặng được nâng bằng tay, kiểm tra xem trọng tải đó có quá nặng không và vật thể có được 2 người nâng hay phụ trợ nào không. • Kiểm tra xem liệu thiết bị nâng có an toàn và được sử dụng đúng không. • Quan sát cần cầu đang chuyển động và điều khiển an toàn.
Sàn, lối đi, bậc thang, giàn giáo	• Quan sát thiết kế và kích thước của lối đi, các chướng ngại vật và quan sát chất lượng sàn xem có bị trơn, có hố hay vật cản nào không. • Quan sát điều kiện và sự ổn định của cầu thang, thang hoặc giàn giáo và kiểm tra xem người lao động có được bảo vệ đúng không. • Kiểm tra xem có lối đi riêng cho nhiều người đi lại không
2. Địa điểm làm việc	
Tư thế làm việc	• Quan sát thiết kế chung của phòng làm việc, máy móc và bàn làm việc và xem các công cụ và vật liệu có được sắp xếp an toàn và tư thế làm việc của người lao động có phù hợp không. • Kiểm tra xem tầm cao làm việc có phù hợp và không gây mệt mỏi cho người lao động, có chỗ ngồi phù hợp và có được sử dụng không. • Xét xem liệu các biển báo, tín hiệu có dễ đọc từ vị trí làm việc không.
Hoạt động lặp lại	• Quan sát các chuyển động lặp đi lặp lại và nhịp độ để biết những chuyển động đó có an toàn và không quá đơn điệu. • Vật liệu và công cụ có nằm trong tầm với và không quá tải đối với cơ.
Dụng cụ cầm tay	• Dụng cụ có gì nguy hại không, có bộ phận bảo vệ và có dễ định vị không • Quan sát độ an toàn khi hoạt động của dụng cụ cầm tay có điện. • Kiểm tra thùng chứa rác và đồ phế thải
3. An toàn máy và an toàn điện	
Thiết bị bảo vệ, an toàn	• Kiểm tra thiết bị bảo vệ máy, thiết bị và để biết các bộ phận chuyển động nguy hiểm có được bảo vệ không. • Quan sát xem nơi tiếp xúc của tay với các phần nguy hiểm của máy có được ngăn bằng thiết bị an toàn không
Dừng khẩn cấp	• Kiểm tra xem liệu có nút dừng khẩn cấp không, có dễ với và đánh dấu

		rõ ràng không. • Có hướng dẫn rõ ràng cách dùng khăn cấp không.
Cáp, ổ cắm, nối đất		• Xem hộp điện, dây dẫn, ổ cắm và các thiết bị/dụng cụ điện. • Kiểm tra cẩn thận phần bảo vệ điện và nối đất trên mỗi máy và dụng cụ.
4. Môi trường lao động		
Chiếu sáng		• Quan sát các cửa sổ xem có rộng và sạch sẽ không. • Ánh sáng có đủ để làm việc ở mức độ ánh sáng hiện có. • Có cần chiếu sáng cục bộ không.
Điều kiện nhiệt		• Có cần bảo vệ khỏi các nguồn nóng và lạnh hoặc cần thông gió, điều hòa không khí tốt hơn không. • Nếu độ nóng hoặc lạnh không hợp lý, ghi chú lại
Chất lượng không khí, thông gió		• Quan sát chất lượng không khí trên cơ sở hiểu biết về ô nhiễm không khí trong ngành sản xuất đó. • Hệ thống thông gió có phù hợp không? Có cần bố trí lại để đảm bảo chất lượng không khí.
Tiếng ồn, rung		• Quan sát sự tiếp xúc với tiếng ồn và kiểm tra xem độ ồn có vượt quá mức không. Nếu không thể nói chuyện với người khác ở khoảng cách gần, độ ồn đã vượt quá tiêu chuẩn (85dBA). • Quan sát sử dụng nút tai hoặc dụng cụ khác. • Kiểm tra xem độ rung có ảnh hưởng đến công việc không?
Bức xạ, hồng ngoại, lase, từ ngoại, điện từ trường		• Quan sát các nguồn bức xạ in ôn hóa và xem các thông lệ bảo vệ có phù hợp không dựa trên kiến thức hiện có về giới hạn tiếp xúc. • Quan sát sự tiếp xúc với bức xạ hồng ngoại, lase, cực tím và điện từ trường trên cơ sở kiến thức về giới hạn tiếp xúc trong lĩnh vực đó.
5. Nguy cơ hóa sinh		
Nhãn và bảng dữ liệu an toàn vật liệu		• Quan sát xem loại hóa chất nào được sử dụng tại nơi làm việc và khối lượng bao nhiêu. Hỏi xem danh mục hóa chất sử dụng và bảng dữ liệu an toàn (MSDSs). • Kiểm tra xem có bảng dữ liệu an toàn cho những người quan tâm không.
Vận chuyển hóa chất, cảnh báo		• Quan sát xem hóa chất độc hại được cất giữ, vận chuyển và sử dụng như thế nào và xem liệu người lao động được bảo vệ ra sao. • Kiểm tra xem có những cảnh báo phù hợp về bảo vệ người lao động khỏi những hóa chất độc hại không.
Tiếp xúc với dung môi, khí thải, chất ăn mòn, hơi, khói		• Đặc biệt chú ý tới việc sử dụng dung môi và chất ăn mòn và xem liệu người lao động có được bảo vệ đúng không. Nếu người thấy mùi dung môi trong phòng làm việc hoặc cảm giác khó chịu thì nồng độ có lẽ đã quá cao. • Xem nguồn hơi nước, khói và khí thải và đánh giá nồng độ ước tính và nguy cơ đối với sức khỏe bằng cách xem xét có thông gió khí thải ngay từ nguồn hay phụ thuộc vào thông gió chung/tự nhiên. • Quan sát xem có thiết bị bảo vệ phù hợp và có được sử dụng không.
Tiếp xúc với bụi, a-mi-ăng, kim loại		• Xem nguồn bụi, đặc biệt là các tinh thể cát và sợi a mi ăng, và liệu có thông gió cục bộ tại nguồn đúng cách không. • Quan sát xem liệu thiết bị bảo vệ cá nhân phù hợp có được cấp và có được sử dụng không. • Có áp dụng các tiêu chuẩn về tiếp xúc với a mi ăng và có các biện pháp phù hợp để tránh tiếp xúc không.
Chất sinh học		• Đánh giá về khả năng xảy ra nguy cơ sinh học như vi khuẩn, vi rút hoặc côn trùng và liệu có những cảnh báo đầy đủ tại nơi làm việc không. • Kiểm tra xem liệu thiết bị an toàn hoặc thiết bị bảo vệ có sẵn và được sử dụng để chống lại những nguy cơ sinh học không.
Chất gây ung thư, gây dị		• Có cảnh báo phù hợp để bảo vệ người lao động tránh tiếp xúc trực tiếp

ứng	với các chất gây ung thư và chất gây dị ứng khi sử dụng các chất đó tại nơi làm việc. • Kiểm tra xem có được cấp và có sử dụng thiết bị bảo vệ phù hợp để tránh tiếp xúc trực tiếp không.
6. Điều kiện phúc lợi	
Nước uống, nơi ăn uống	• Kiểm tra xem có sẵn nước uống an toàn không • Kiểm tra căng tin hoặc nơi ăn uống và các biện pháp an toàn thực phẩm. • Kiểm tra vệ sinh cá nhân của nhân viên căng tin và các thiết bị vệ sinh của họ.
Nhà vệ sinh, nơi tắm rửa, thay đồ	• Quan sát xem có nhà vệ sinh và lối đi tới nhà vệ sinh trong môi trường quan với số nhân viên. • Kiểm tra vệ sinh trong nhà vệ sinh, đảm bảo riêng tư giữa 2 giới và xem có sẵn để sử dụng khi cần không. • Xem xét nơi rửa và thay đồ và mức độ vệ sinh.
Nơi nghỉ ngơi	• Quan sát xem có nơi nghỉ ngơi phù hợp không. • Kiểm tra sự sạch sẽ và tác dụng thư giãn của phương tiện nghỉ ngơi để sử dụng trong giờ nghỉ. • Kiểm tra nhu cầu về điều kiện phúc lợi như nơi trồng trẻ, giải trí và nơi đỗ xe.
7. Thiết bị bảo vệ cá nhân	
Mũ bảo hiểm, găng tay, giày	• Kiểm tra phương tiện bảo vệ cá nhân như mũ bảo hiểm, găng tay hoặc giày, điều kiện và sự sạch sẽ cũng như sự phù hợp để bảo vệ người lao động • Quan sát xem những thiết bị bảo vệ đó có được sử dụng trong công việc cần thiết không.
Nút tai, kính, ống thở	• Kiểm tra nhu cầu sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân đặc biệt trong trường hợp tiếp xúc với tiếng ồn, bụi hoặc hóa chất trên cơ sở các quan sát có được. • Kiểm tra xem có thiết bị bảo vệ nào không hiệu quả được cung cấp để tránh hiểu sai về độ an toàn. • Kiểm tra tình hình bảo dưỡng và làm mới định kỳ đối với các thiết bị bảo vệ.
Dây an toàn	• Kiểm tra xem có dây an toàn phù hợp cho công việc trên cao theo đúng quy định và tiêu chuẩn không. • Quan sát xem dây an toàn có được sử dụng thường xuyên không, sự phối hợp giữa người lao động trong việc sử dụng an toàn trang bị BVCN.
8. Tổ chức công việc	
Khối lượng công việc	• Quan sát xem công việc được tổ chức như thế nào ? Có thúc đẩy hoạt động trôi chảy và an toàn không ? Có gây ra áp lực tâm lý và vật lý không cần thiết không. • Xem xét nhu cầu công việc không hợp lý (như áp lực thời gian, hoặc nhịp độ máy quá chặt chẽ).

Giao tiếp và làm việc nhóm	• Quan sát phong cách lãnh đạo của người quản lý và liệu có thể giao tiếp tốt để có thái độ tốt thay vì hay chỉ trích hay không. • Quan sát hoạt động công việc có trôi chảy không và mức độ tự do của người lao động trong việc tổ chức công việc và thực hiện các nhiệm vụ được giao. • Yêu cầu tập huấn và hướng dẫn công việc và thực hành làm việc an toàn, để biết có tác dụng tốt không. • Xem xét hiệu quả làm việc nhóm và mối quan hệ giữa người lao động với nhau hoặc với người giám sát và nhà quản lý có tốt không. • Hỏi cảm giác về sự đáp ứng và đảm bảo của công việc.
Thời giờ làm việc, nghỉ ngơi	• Kiểm tra xem liệu có thể tránh làm việc thêm giờ quá nhiều. • Hỏi xem liệu làm ca bất thường hoặc ca đêm có ảnh hưởng đến sự an toàn và sức khỏe của người lao động không, biện pháp nào được thực hiện. • Quan sát thời gian và tác dụng thư giãn của giờ nghỉ.
9. Ứng phó khẩn cấp	
Dập cháy, chữa cháy	• Kiểm tra các nguồn có thể gây cháy bao gồm vật liệu dễ bay hơi, dễ cháy nổ, các quá trình gây nhiệt, hàn và đốt cháy. • Kiểm tra địa điểm và sự phù hợp của bình cứu hỏa và việc cung cấp bình phun, vòi phun... để dập lửa khi cần. • Quan sát xem hút thuốc lá có bị cấm ở khu vực có nguy cơ không và sự tuân thủ ra sao. • Người lao động có được đào tạo về cách sử dụng bình cứu hỏa không.
Bộ dụng cụ sơ cứu, tập huấn	• Quan sát tính sẵn có và nội dung của hộp sơ cứu, cáng và các đồ dùng khác theo danh mục yêu cầu • Kiểm tra xem số công nhân có được tập huấn đầy đủ về sơ cứu không. • Kiểm tra xem mọi người có biết số điện thoại để dễ dàng liên với đội cứu hỏa, tổ chức cứu trợ, cứu thương và dịch vụ y tế khẩn cấp không.
Chăm sóc khẩn cấp	• Quan sát xem quy trình cấp cứu ở cơ sở y tế gần đó có được thiết lập không. • Kiểm tra xem việc vận chuyển người lao động bị cấp cứu tới cơ sở y tế có nhanh chóng không.
Lối thoát khẩn cấp và tín hiệu	• Quan sát địa điểm và lối thoát có dễ dàng và không bị khóa không. • Kiểm tra xem liệu những biển báo chỉ lối thoát khẩn cấp có được đặt đúng chỗ và dễ thấy không.
Kế hoạch ứng phó khẩn cấp	• Kiểm tra xem có kế hoạch ứng phó khẩn cấp với các nguy cơ không. • Đánh giá sự phù hợp của kế hoạch khẩn cấp với khả năng xảy ra thảm họa thiên nhiên hoặc nguy cơ lớn nào đó.
10. Quản lý an toàn và sức khỏe tại nơi làm việc	
Chính sách ATVSLĐ, chia sẻ trách nhiệm	• Kiểm tra chính sách của doanh nghiệp về ATVSLĐ và về chia sẻ trách nhiệm thực hiện chính sách và hệ thống quản lý ATVSLĐ. • Đánh giá xem công nhân có tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn và hướng dẫn thực hành hiện có không. • Đánh giá xem các chiến dịch an toàn và sức khỏe có tác động và đóng góp cho việc cải thiện điều kiện lao động không.
Ban an toàn, đại diện an toàn	• Kiểm tra xem có thành lập ban an toàn, họp thường kỳ và hoạt động đúng chức năng không. • Đánh giá hiệu quả của các hoạt động của ban an toàn trên cơ sở quan sát. • Kiểm tra xem người lao động có chịu trách nhiệm về những vấn đề cụ thể trong hoạt động an toàn và sức khỏe tổng thể tại nơi làm việc và liệu

		họ có hoạt động theo đúng chức năng không.
	Báo cáo an toàn/sức khỏe	• Kiểm tra xem những báo cáo thường kỳ về an toàn và sức khỏe của người lao động có được làm và phổ biến cho người lao động biết không. • Có điều tra tai nạn lao động và sử dụng kết quả đó để phòng ngừa tai nạn lao động không.